VGP CHINHPHU.VN
Người ký: CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 19.03.2024 14:17:15 +07:00

Số 347 + 348 **Ngày 22 tháng 02 năm 2024**

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

06-02-2024 - Quyết định số 158/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. 2

(Đăng từ Công báo số 345 + 346 đến số 347 + 348)

06-02-2024 - Chỉ thị số 03/CT-TTg về tổ chức "Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ" và tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng. 39

BỘ CÔNG AN

01-02-2024 - Quyết định số 721/QĐ-BCA về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công an kỳ 2019 - 2023. 44

(Đăng từ Công báo số 347 + 348 đến số 351 + 352)

VGP CHINHPHU.VN
Người ký: CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 19.03.2024 14:17:29 +07:00

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Tiếp theo Công báo số 345 + 346)

Phụ lục VIII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CẢNG THỦY NỘI ĐỊA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cảng	Tên sông	Địa điểm dự kiến	Loại, công suất dự kiến
I	**Cảng hàng hóa**			
1	**Cảng theo quy hoạch quốc gia**			
1.1	Cảng Vĩnh Thịnh	Sông Hồng	Vĩnh Tường	Hàng hóa, 500.000 tấn/năm
1.2	Cảng Cam Giá	Sông Hồng	Vĩnh Tường	Hàng hóa, 500.000 tấn/năm
1.3	Cảng An Tường	Sông Hồng	Vĩnh Tường	Hàng hóa, 500.000 tấn/năm
1.4	Cảng Như Thụy	Sông Lô	Sông Lô	Hàng hóa, 500.000 tấn/năm
1.5	Cảng Đức Bác	Sông Lô	Sông Lô	Hàng hóa, 300.000 tấn/năm
2	**Cảng quy hoạch tiềm năng**			
2.1	Cảng Hải Lựu	Sông Lô	Sông Lô	Hàng hóa, 300.000 tấn/năm
2.2	Cảng Sơn Đông	Sông Lô	Lập Thạch	Hàng hóa, 300.000 tấn/năm
2.3	Cảng Cao Phong	Sông Lô	Sông Lô	Hàng hóa, 300.000 tấn/năm

TT	Tên cảng	Tên sông	Địa điểm dự kiến	Loại, công suất dự kiến
2.4	Cảng Việt Xuân	Sông Lô	Vĩnh Tường	Hàng hóa, 300.000 tấn/năm
2.5	Cảng Cao Đại	Sông Hồng	Vĩnh Tường	Hàng hóa, 300.000 tấn/năm
2.6	Cảng Trung Hà	Sông Hồng	Yên Lạc	Hàng hóa, 300.000 tấn/năm
2.7	Cảng Hồng Châu	Sông Hồng	Yên Lạc	Hàng hóa, 300.000 tấn/năm
2.8	Các cảng khác	Sông Hồng - Sông Lô	Các huyện, thành phố	
II	**Cảng hành khách**			
	Cụm cảng hành khách Vĩnh Phúc - Phú Thọ	Sông Hồng - Sông Lô		Cảng khách, 100.000 hành khách/năm

Ghi chú:

- Việc đầu tư các cảng thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc phải phù hợp với Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật. Ngoài dự kiến các cảng xây dựng mới nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các cảng khác phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan.

Phụ lục IX

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG SẮT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tuyến	Chiều dài (km)	Khổ đường (mm)
I	**Đường sắt quốc gia**		
1	Đường sắt Hà Nội - Lào Cai	35	1.000 mm
2	Đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng	Theo dự án đầu tư	1.435 mm
II	**Đường sắt đô thị**		
1	Tuyến số 1 (Nội Bài -Vĩnh Yên -Sơn Tây)	Theo dự án đầu tư	
2	Tuyến số 2 (Phúc Thọ - Vĩnh Yên - Tam Đảo)	Theo dự án đầu tư	

Ghi chú:

- Hướng tuyến, phạm vi sử dụng đất, thời gian thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật. Ngoài dự kiến các tuyến đường sắt nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các tuyến đường sắt khác phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan.

Phụ lục X

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CẢNG CẠN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cảng	Địa điểm dự kiến	Kết nối hạ tầng giao thông vận tải	Kết nối cảng biển/cửa khẩu	Diện tích dự kiến (ha)	
					Giai đoạn đến 2030	Giai đoạn đến 2050
1	Cảng cạn Hương Canh	Huyện Bình Xuyên	Đường bộ: cao tốc Hà Nội - Lào Cai, cao tốc Hà Nội Hải Phòng. Đường sắt: Hà Nội - Lào Cai.	Cảng biển: Hải Phòng, Quảng Ninh. Cửa khẩu: Lào Cai; Lạng Sơn.	83	83
2	Cảng cạn Lập Thạch	Huyện Lập Thạch	Đường bộ: cao tốc Hà Nội - Lào Cai, cao tốc Hà Nội Hải Phòng.	Cảng biển: Hải Phòng, Quảng Ninh. Cửa khẩu: Lào Cai; Lạng Sơn.	-	50
3	Cảng cạn Cam Giá	Huyện Vĩnh Tường	Đường bộ: quốc lộ 2C, quốc lộ 32, cao tốc Hà Nội - Lào Cai, cao tốc Hà Nội Hải Phòng. Đường thủy nội địa: sông Hồng.	Cảng biển: Hải Phòng, Quảng Ninh. Cửa khẩu: Lào Cai; Lạng Sơn.	-	30

Ghi chú:

- Việc đầu tư các cảng cạn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc phải phù hợp với Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật. Ngoài dự kiến các cảng xây dựng mới nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các cảng khác phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan.

Phụ lục XI

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN NGUỒN VÀ MẠNG LƯỚI CẤP ĐIỆN TỈNH VĨNH PHÚC THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

A. QUY HOẠCH NGUỒN ĐIỆN

TT	Hạng mục	Ghi chú
	Nguồn điện tiềm năng	
1	Điện mặt trời	Triển khai theo kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII
2	Điện gió	
3	Điện sinh khối	
4	Điện rác	

Ghi chú:

- Việc đầu tư các dự án nguồn điện có tiềm năng phát triển phải bảo đảm phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII), Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII, các quy hoạch liên quan và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật.

B. QUY HOẠCH LƯỚI ĐIỆN

TT	Hạng mục
I	**Hệ thống điện 500 kV**
A	**Trạm biến áp**
	Xây dựng mới trạm biến áp 500 kV Vĩnh Yên, quy mô công suất 3x900 MVA, trước mắt đầu tư công suất 2x900 MVA, tại khu vực xã Trung Mỹ, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc.
B	**Đường dây**
1	Xây dựng mới tuyến 500 kV Lào Cai - Vĩnh Yên (tổng chiều dài 49 km trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc)

TT	Hạng mục
2	Xây dựng mới đường dây 04 mạch 500 kV Vĩnh Yên - Rẽ Sơn La - Hiệp Hòa và Việt Trì - Hiệp Hòa, chiều dài 5 km đấu nối TBA 500 kV Vĩnh Yên.
3	Xây dựng mới đường dây mạch kép 500 kV Tây Hà Nội - Vĩnh Yên, chiều dài 44 km tạo liệt kết 500 kV giữa tỉnh Vĩnh Phúc và Thủ đô Hà Nội.
II	**Hệ thống điện 220 kV**
A	**Trạm biến áp**
1	Xây dựng mới trạm biến áp 220 kV Bá Thiện, quy mô 3 x 250 MVA, lắp trước MBA AT1 250 MVA.
2	Nâng công suất trạm biến áp 220 kV Bá Thiện lên 2 x 250 MVA.
3	Xây dựng mới trạm biến áp 220 kV Tam Dương, quy mô 3x250 MVA, lắp trước MBA AT1 250 MVA.
4	Nâng công suất trạm biến áp 220 kV Tam Dương lên 2x250 MVA.
5	Xây dựng mới trạm biến áp 220 kV Phúc Yên, công suất 2x250 MVA, lắp trước MBA AT1 250 MVA.
6	Xây dựng mới trạm biến áp 220 kV Chấn Hưng, công suất 2x250 MVA, lắp trước MBA AT1 250 MVA.
7	Nâng công suất trạm biến áp 220 kV Vĩnh Tường từ 250 MVA lên 2x 250 MVA;
B	**Đường dây**
1	Xây dựng mới đường dây mạch kép 220 kV từ trạm 500 kV Việt Trì - Bá Thiện (500 kV Vĩnh Yên), tiết diện ACSR2x330, dài 43 km.
2	Xây dựng mới đường dây mạch kép 220 kV Bá Thiện (Vĩnh Yên 500kV) - Rẽ Vĩnh Yên - Sóc Sơn, tiết diện ACSR2x330, dài 13 km.
3	Xây dựng mới đường dây bốn mạch Tam Dương - Rẽ 500kV Việt Trì - Bá Thiện (500 kV Vĩnh Yên), tiết diện ACSR2x330, dài 2,0 km.
4	Xây dựng mới đường dây mạch kép 220 kV từ Bá Thiện (Vĩnh Yên 500 kV) - Mê Linh, tiết diện ACSR2x330, dài 25 km.
5	Xây dựng mới và cải tạo chuyển đấu nối thành đường dây mạch kép Vĩnh Tường - Vĩnh Yên, tiết diện ACSR2x330, dài 8 km.
6	Xây dựng mới đường dây mạch kép 220 kV Phúc Yên - Rẽ 500 kV Vĩnh Yên - 220 kV Vĩnh Yên, tiết diện ACSR2x330, dài 2 km.

TT	Hạng mục
7	Xây dựng mới đường dây mạch kép 220kV Chấn Hưng - Rẽ 500 kV Việt Trì - 220 kV Vĩnh Yên, tiết diện ACSR2x330, dài 2 km.
8	Cải tạo, nâng khả năng tải đường dây mạch đơn 220 kV trạm 500 kV Việt Trì - Vĩnh Tường dài 27 km.
9	Cải tạo, nâng khả năng tải đường dây mạch đơn 220 kV trạm 500 kV Việt Trì - Vĩnh Yên dài 36 km.
10	Cải tạo, nâng khả năng tải đường dây mạch đơn 220 kV Sơn Tây - Vĩnh Yên thành mạch kép 30 km.
III	**Hệ thống điện 110 kV**
A	**Trạm biến áp**
1	Thay máy T1, T2 nâng công suất trạm 110 kV Khu công nghiệp Thăng Long 3 từ 2x25 MVA thành 4x40 MVA.
2	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Bá Thiện, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
3	Nâng công suất TBA 110 kV Bá Thiện lên 2x63 MVA.
4	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Sơn Lôi, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
5	Nâng công suất TBA 110 kV Sơn Lôi lên 2x63 MVA.
6	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Nam Bình Xuyên, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
7	Nâng công suất TBA 110 kV Nam Bình Xuyên lên 2x63 MVA.
8	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Bá Thiện 2, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
9	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Sơn Lôi 2, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
10	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Vĩnh Yên 3, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
11	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Nam Bình Xuyên 2, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
12	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Phúc Yên 2, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).

TT	Hạng mục
13	Nâng công suất TBA 110 kV Phúc Yên 2 lên 2x63 MVA.
14	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Xuân Hòa, công suất 2x40 MVA (lắp trước MBA T1 40 MVA).
15	Thay máy biến áp T3 trạm biến áp 220 kV Vĩnh Tường (110 kV Vĩnh Tường nối cấp) từ 40 MVA thành 63 MVA.
16	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Đồng Sóc, công suất 3x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
17	Nâng công suất TBA 110 kV Đồng Sóc lên 2x63 MVA.
18	Nâng công suất TBA 110 kV Đồng Sóc lên 3x63 MVA.
19	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Chấn Hưng, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
20	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Yên Lạc, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
21	Nâng công suất TBA 110 kV Yên Lạc lên 2x63 MVA.
22	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Yên Lạc 2, công suất (40+63) MVA (lắp trước MBA T1 40 MVA).
23	Nâng công suất TBA 110 kV Yên Lạc 2 lên 2x63 MVA.
24	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Tam Dương, công suất 3x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
25	Nâng công suất TBA 110 kV Tam Dương lên 2x63 MVA.
26	Nâng công suất TBA 110 kV Tam Dương lên 3x63 MVA.
27	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Tam Dương 2, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
28	Nâng công suất TBA 110 kV Tam Dương 2 lên 2x63 MVA.
29	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Thanh Vân, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
30	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Sông Lô, công suất (40+63) MVA (lắp trước MBA T1 40 MVA).
31	Nâng công suất TBA 110 kV Sông Lô lên 2x63 MVA.

TT	Hạng mục
32	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Sông Lô 2, công suất 2x40 MVA (lắp trước MBA T1 40 MVA).
33	Nâng công suất TBA 110 kV Sông Lô 2 lên 2x40 MVA.
34	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Sông Lô 3, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
35	Nâng công suất TBA 110 kV Lập Thạch lên 2x63 MVA.
36	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Lập Thạch 2, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
37	Nâng công suất TBA 110 kV Lập Thạch 2 lên 2x63 MVA.
38	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Lập Thạch 3, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
39	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Lập Thạch 4, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
40	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Lập Thạch 5, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
41	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Tam Đảo 2, công suất 2x40 MVA (lắp trước MBA T1 40 MVA).
42	Nâng công suất TBA 110 kV Tam Đảo 2 lên 2x40 MVA.
43	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Đồng Cương, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
44	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Tam Đảo, công suất 2x40 MVA (lắp trước MBA T1 40 MVA).
45	Nâng công suất TBA 110 kV Tam Đảo lên 2x40 MVA.
46	Dự phòng phát sinh TBA 110 kV xây dựng mới, cải tạo nâng công suất 200 MVA (Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện)
B	**Đường dây**
1	Xây dựng mới đường dây 110 kV 02 mạch x 18 km kết nối lưới 110 kV sau trạm 220 kV Vĩnh Yên - trạm 220 kV Vĩnh Tường, dây dẫn ACSR400/51.
2	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 0,5 km đấu nối trạm 110 kV Nam Bình Xuyên chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 220 kV Vĩnh Yên - trạm 220 kV Vĩnh Tường, dây dẫn ACSR400/51.

TT	Hạng mục
3	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 13,7 km đấu nối trạm 110 kV Tam Đảo chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 110 kV Vĩnh Yên 2 - trạm 110 kV Thiện Kế, dây dẫn ACSR400/51.
4	Xây dựng mới xuất tuyến 110 kV 04 mạch x 1,5 km sau trạm 220 kV Bá Thiện đấu chuyển tiếp trên 02 mạch đường dây 110 kV Kế Thiện - Tam Đảo (Đồng bộ với trạm 220 kV Bá Thiện), dây dẫn ACSR400/51.
5	Xây dựng mới xuất tuyến 110 kV 02 mạch x 7,0 km sau trạm 220 kV Bá Thiện đấu nối khép mạch vòng về trạm 110 kV Khu công nghiệp Thăng Long 3 (Đoạn đầu đi chung cột 04 mạch dài 7 km), dây dẫn ACSR400/51.
6	Xây dựng mới xuất tuyến 110 kV 02 mạch x 18 km sau trạm 220 kV Bá Thiện đấu nối khép mạch vòng về trạm 110 kV Khai Quang - Vĩnh Yên, dây dẫn ACSR400/51.
7	Xây dựng mới xuất tuyến 110 kV 06 mạch x 0,602 km sau trạm 220 kV Tam Dương trong đó đấu chuyển tiếp 04 mạch trên đường dây 110 kV Tam Dương - Sơn Nam; Treo dây trên đường dây 110 kV mạch kép 110 kV nhánh rẽ Sơn Nam (có kết cấu 04 mạch) với chiều dài khoảng 3,48 km (Đồng bộ với trạm 220 kV Tam Dương), dây dẫn ACSR400/51.
8	Xây dựng mới đường dây 110 kV 02 mạch x 23,4 km nhánh rẽ 110 kV đi Nam Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Tam Dương - Sơn Nam), dây dẫn ACSR400/51.
9	Xây dựng mới đường dây 110 kV 02 mạch x 4,5 km nhánh rẽ 110 kV đi Phúc Yên 2 đấu nối chuyển tiếp trên đường dây 110 kV từ trạm 220 kV Vĩnh Yên đi 220 kV Mê Linh, dây dẫn ACSR400/51.
10	Xây dựng mới xuất tuyến 110 kV 02 mạch x 0,5 km sau trạm 220 kV Phúc Yên cấp điện cho trạm 110 kV Phúc Yên 2 (Đồng bộ với trạm 220 kV Phúc Yên), dây dẫn ACSR400/51.
11	Xây dựng mới xuất tuyến 110 kV 04 mạch x 5 km sau trạm 220 kV Phúc Yên đấu chuyển tiếp trên 02 mạch đường dây 110 kV từ trạm 220 kV Bá Thiện - 110 kV Khai Quang và từ trạm 220 kV Bá Thiện - 110 kV Vĩnh Yên (Đồng bộ với trạm 220 kV Phúc Yên), dây dẫn ACSR400/51.
12	Xây dựng mới xuất tuyến 110 kV 02 mạch x 4,5 km sau trạm 110 kV Tam Dương cấp điện cho trạm 110 kV Thanh Vân, dây dẫn ACSR400/51.
13	Xây dựng mới xuất tuyến 110 kV 04 mạch x 2,0 km sau trạm 220 kV Chấn Hưng đấu chuyển tiếp trên 02 mạch đường dây 110 kV từ trạm 220 kV Vĩnh Tường - 110 kV Vĩnh Tường và từ trạm 110 kV Yên Lạc - trạm 110 kV Việt Trì (Đồng bộ với trạm 220 kV Chấn Hưng), dây dẫn ACSR400/51.

TT	Hạng mục
14	Xây dựng mới xuất tuyến 110 kV 02 mạch x 9,0 km sau trạm 220 kV Chấn Hưng đấu chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV từ trạm 110 kV Tam Dương - 110 kV Thanh Vân (Đồng bộ với trạm 220 kV Chấn Hưng), dây dẫn ACSR400/51.
15	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 1,5 km đấu nối trạm 110 kV Bá Thiện chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 220 kV Bá Thiện - Khu công nghiệp Thăng Long 3, dây dẫn ACSR400/51.
16	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 0,5 km đấu nối trạm 110 kV Sơn Lôi chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 220 kV Vĩnh Yên - Khu công nghiệp Thăng Long 3, dây dẫn ACSR400/51.
17	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 2,0 km đấu nối trạm 110 kV Xuân Hòa chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 110 kV Khai Quang - trạm 220 kV Bá Thiện (sau chuyển thành đường dây 110 kV từ trạm 220 kV Bá Thiện - 220 kV Phúc Yên sau khi trạm 220 kV Phúc Yên vào vận hành), dây dẫn ACSR400/51.
18	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 1,5 km đấu nối trạm 110 kV Đồng Sóc về thanh cái 110 kV trạm 220 kV Vĩnh Tường, dây dẫn ACSR400/51.
19	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 0,5 km đấu nối trạm 110 kV Yên Lạc chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 220 kV Vĩnh Tường - Việt Trì, dây dẫn ACSR400/51.
20	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 0,5 km đấu nối trạm 110 kV Yên Lạc 2 chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 220 kV Vĩnh Yên - trạm 220 kV Vĩnh Tường, dây dẫn ACSR400/51.
21	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 10,0 km đấu nối trạm 110 kV Tam Dương chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 220 kV Bá Thiện - Tam Đảo, dây dẫn ACSR400/51.
22	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 0,5 km đấu nối trạm 110 kV Sông Lô chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 220 kV Việt Trì - Lập Thạch, dây dẫn ACSR400/51.
23	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 0,5 km đấu nối trạm 110 kV Lập Thạch 2 chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 220 kV Tam Dương - Sơn Nam, dây dẫn ACSR400/51.
24	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 10,5 km đấu nối trạm 110 kV Tam Dương 2 từ tạm 110 kV Tam Dương, dây dẫn ACSR400/51.

TT	Hạng mục
25	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 13,0 km đấu nối trạm 110 kV Sông Lô 2 chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV Việt Trì - Lập Thạch, dây dẫn ACSR400/51.
26	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 1,0 km đấu nối trạm 110 kV Lập Thạch 3 chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV Lập Thạch - 220 kV Tam Dương, dây dẫn ACSR400/51.
27	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 13,3 km tạo mạch vòng giữa trạm 110 kV Tam Dương và trạm 110 kV Lập Thạch, dây dẫn ACSR400/51.
28	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 0,5 km đấu nối trạm 110 kV Bá Thiện 2 chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 220 kV Bá Thiện - trạm 110 kV Khu công nghiệp Thăng Long (Thăng Long 3), dây dẫn ACSR400/51.
29	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 0,5 km đấu nối trạm 110 kV Sơn Lôi 2 chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 220 kV Bá Thiện - trạm 110 kV Khai Quang, dây dẫn ACSR400/51.
30	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 1,5 km đấu nối trạm 110 kV Vĩnh Yên 3 chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 220 kV Vĩnh Yên - trạm 110 kV Phúc Yên, dây dẫn ACSR400/51.
31	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 0,5 km đấu nối trạm 110 kV Nam Bình Xuyên 2 chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 220 kV Vĩnh Yên - trạm 220 kV Vĩnh Tường, dây dẫn ACSR400/51.
32	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 0,5 km đấu nối trạm 110 kV Đồng Cương chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 220 kV Vĩnh Yên - trạm 220 kV Vĩnh Tường, dây dẫn ACSR400/51.
33	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 0,5 km đấu nối trạm 110 kV Chấn Hưng chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 110 kV Vĩnh Tường - trạm 220 kV Vĩnh Tường, dây dẫn ACSR400/51.
34	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 1,5 km đấu nối trạm 110 kV Lập Thạch 4 chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 220 kV Tam Dương - trạm 110 kV Sơn Nam, dây dẫn ACSR400/51.
35	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 6,0 km đấu nối trạm 110 kV Lập Thạch 5 chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 110 kV Lập Thạch 3 - trạm 110 kV Lập Thạch, dây dẫn ACSR400/51.

TT	Hạng mục
36	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 8,0 km đấu nối trạm 110 kV Lập Thạch 5 về thanh cái 110 kV trạm 220 kV Chấn Hưng, dây dẫn ACSR400/51.
37	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 1,5 km đấu nối trạm 110 kV Sông Lô 3 chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 220 kV Việt Trì - trạm 110 kV Lập Thạch, dây dẫn ACSR400/51.
38	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 3,5 km đấu nối trạm 110 kV Tam Đảo 2 chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 220 kV Tam Dương - trạm 110 kV Sơn Nam, dây dẫn ACSR400/51.
39	Cải tạo đường dây 01 mạch thành 02 mạch dài 32 km từ trạm 220 kV Vĩnh Yên - 110 kV Việt Trì, dây dẫn ACSR400/51 hoặc ACCC315.
40	Treo dây 02 mạch 110 kV còn lại trên nhánh rẽ từ trạm 220 kV Vĩnh Tường chuyển tiếp trên đường dây 110 kV trạm 220 kV Vĩnh Yên - 110 kV Việt Trì, dây dẫn ACSR400/51 hoặc ACCC315.
41	Cải tạo đường dây 01 mạch thành 02 mạch dài 11,3 km từ trạm 220 kV Vĩnh Yên - 110 kV Phúc Yên - 110 kV Quang Minh/220 kV Mê Linh.
42	Cải tạo nâng tiết diện từ ACSR-185 thành ACSR400/51 hoặc ACCC315 dài 13,5 km đường dây 110 kV từ trạm 220 kV Việt Trì - Lập Thạch.
43	Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo lưới điện hiện hữu để đồng nhất về năng lực truyền tải cho lưới điện/hoặc đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc khi có phụ tải mới đăng ký có công suất lớn hoặc phụ tải tăng trưởng đột biến.

Ghi chú:

- Hạ tầng cấp điện tỉnh Vĩnh Phúc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và việc đầu tư, quy mô, số lượng các dự án phát triển nguồn điện, các trạm biến áp, các tuyến đường dây trên địa bàn phải phù hợp, đồng bộ với Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII; phù hợp với các điều kiện, tiêu chí, luận chứng tại Quy hoạch điện VIII và được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định; phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; các quy hoạch, kế hoạch liên quan được cấp thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu thực tế phát triển của địa phương.

- Tên, vị trí, quy mô, công suất đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án theo đúng quy định của pháp luật.

Phụ lục XII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CẤP, THOÁT NƯỚC TỈNH VĨNH PHÚC THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Hạng mục	Số lượng công trình dự kiến
A	**NƯỚC SẠCH**	
I	**CẢI TẠO, NÂNG CẤP**	
1	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các dự án cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh	29
2	Cải tạo, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Sơn Đông, huyện Lập Thạch	01
3	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung xã Trung Mỹ huyện Bình Xuyên	01
4	Xây dựng mở rộng cấp nước cho xã Liên Sơn, Liên Hòa từ nhà máy nước Thái Hòa - Hoa Sơn	01
5	Xây dựng mở rộng cấp nước cho xã Hồng Châu từ nhà máy nước Liên Châu - Hồng Phương	01
6	Xây dựng bổ sung tuyến ống cấp nước từ các công trình cấp nước sạch nông thôn trên toàn tỉnh	29
7	Nâng công suất nhà máy cấp nước mặt Việt Xuân	01
8	Nâng công suất nhà máy cấp nước mặt Tam Dương	01
9	Nâng công suất Nhà máy cấp nước Sông Lô (Tam Sơn)	01
10	Nâng công suất nhà máy cấp nước Bá Hiến	01
II	**XÂY DỰNG MỚI**	
1	Nhà máy cấp nước Phúc Bình	01
2	Nhà máy cấp nước Sông Hồng	01
3	Nhà máy cấp nước Đôn Nhân	01
4	Nhà máy cấp nước Bồ Lý	01

TT	Hạng mục	Số lượng công trình dự kiến
B	**THOÁT NƯỚC**	
I	**CẢI TẠO, NÂNG CẤP**	
	Nhà máy xử lý nước thải khu Trung tâm Vĩnh Yên	01
II	**XÂY DỰNG MỚI**	
1	Nhà máy xử lý nước thải khu Tây Vĩnh Yên	01
2	Nhà máy xử lý nước thải khu Nam Vĩnh Yên	01
3	Nhà máy xử lý nước thải khu Đông Bắc Vĩnh Yên	01
4	Nhà máy xử lý nước thải khu vực Phúc Yên	01
5	Nhà máy xử lý nước thải khu Trung tâm Vĩnh Yên	01
6	Các công trình tiêu thoát nước và xử lý nước thải của Dự án Quản lý nguồn nước và ngập lụt tỉnh Vĩnh Phúc	03 trạm xử lý nước thải tập trung quy mô 2.500 m^3/ngày đêm và các điểm xử lý nước thải phân tán

Ghi chú: Quy mô, công suất các nhà máy cấp nước, nhà máy xử lý nước thải có thể điều chỉnh theo nhu cầu thực tế tại các dự án cụ thể phù hợp với quy hoạch vùng huyện, quy hoạch chung đô thị để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Phụ lục XIII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN TỈNH VĨNH PHÚC THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
1	Khu xử lý chất thải rắn tại phường Khai Quang,	Thành phố Vĩnh Yên	Xây mới
2	Khu xử lý chất thải rắn tại xã Ngọc Thanh	Thành phố Phúc Yên	Xây mới
3	Trung tâm tái chế phế thải và xử lý chất thải tại thôn Thanh Cao, xã Ngọc Thanh	Thành phố Phúc Yên	Mở rộng
4	Khu xử lý chất thải rắn tại thị trấn Đạo Đức	Huyện Bình Xuyên	Xây mới
5	Khu xử lý chất thải rắn tại khu vực dự kiến quy hoạch cụm công nghiệp Sơn Lôi, xã Sơn Lôi	Huyện Bình Xuyên	Xây mới
6	Nâng công suất khu xử lý chất thải rắn tại thị trấn Hợp Hòa	Huyện Tam Dương	Mở rộng
7	Khu xử lý chất thải rắn tại khu đất giáp cụm công nghiệp Hợp Thành, thị trấn Hợp Châu	Huyện Tam Đảo	Xây mới
8	Khu xử lý chất thải rắn tại xã Ngũ Kiên	Huyện Vĩnh Tường	Xây mới
9	Khu xử lý chất thải rắn tại thị trấn Thổ Tang và xã Tân Phú	Huyện Vĩnh Tường	Xây mới
10	Khu xử lý chất thải rắn tại thị trấn Tam Hồng	Huyện Yên Lạc	Mở rộng
11	Khu xử lý chất thải rắn tại xã Nhạo Sơn	Huyện Sông Lô	Xây mới
12	Khu xử lý chất thải rắn tại xã Quang Yên	Huyện Sông Lô	Xây mới
13	Khu xử lý chất thải rắn tại xã Xuân Hòa	Huyện Lập Thạch	Xây mới

Ghi chú: Quy mô, công suất các khu xử lý chất thải rắn có thể điều chỉnh theo nhu cầu thực tế tại các dự án cụ thể phù hợp với quy hoạch vùng huyện, quy hoạch chung đô thị để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Phụ lục XIV

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC NGHĨA TRANG, NHÀ TANG LỄ TỈNH VĨNH PHÚC THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục	Địa điểm dự kiến
I	**Nghĩa trang**	
1	Cải tạo, mở rộng nghĩa trang Định Trung	Thành phố Vĩnh Yên
2	Xây dựng mới nghĩa trang Liên Đài Viên	Thành phố Phúc Yên
3	Xây dựng mới công viên nghĩa trang khu vực xã: Bắc Bình, Ngọc Mỹ	Huyện Lập Thạch
4	Xây dựng mới nghĩa trang tại xã Đồng Tĩnh và thị trấn Hợp Hòa	Huyện Tam Dương
5	Xây dựng mới nghĩa trang tại xã Phương Khoan	Huyện Sông Lô
6	Xây dựng mới nghĩa trang tại xã Đại Tự	Huyện Yên Lạc
7	Xây dựng mới nghĩa trang xã Yên Lập và thị trấn Tứ Trưng	Huyện Vĩnh Tường
II	**Nhà tang lễ**	**Xây dựng mới 10 nhà tang lễ tại các huyện, thành phố**

Ghi chú: Tên, quy mô, địa điểm các dự án xây dựng khu nghĩa trang, nhà tang lễ sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định, đảm bảo phù hợp với quy hoạch vùng huyện, quy hoạch chung đô thị để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Phụ lục XV

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH VĨNH PHÚC THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

I. CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VÀ TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT

TT	Địa điểm	Số trường dự kiến		
		Hiện có	Bổ sung	Tổng cộng
	Tổng số	**33**	**17**	**50**
1	Thành phố Vĩnh Yên	6	3	9
2	Thành phố Phúc Yên	3	3	6
3	Huyện Bình Xuyên	4	2	6
4	Huyện Tam Dương	3	1	4
5	Huyện Tam Đảo	2	0	2
6	Huyện Lập Thạch	4	1	5
7	Huyện Sông Lô	3	0	3
8	Huyện Vĩnh Tường	4	4	8
9	Huyện Yên Lạc	4	2	6
10	Xây dựng mới trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh		1	1

II. CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

TT	Danh mục	Số cơ sở	Địa điểm dự kiến
1	**Số cơ sở hiện có**	**32**	
1.1	Các trường do trung ương quản lý	9	
-	Trường đại học Sư phạm Hà Nội 2	1	Thành phố Phúc Yên
-	Trường đại học Công nghệ Giao thông vận tải (cơ sở 2)	1	Thành phố Vĩnh Yên
-	Trường đại học Trưng Vương	1	Huyện Tam Dương

TT	Danh mục	Số cơ sở	Địa điểm dự kiến
-	Trường đại học Kiến Trúc (cơ sở 2)	1	Thành phố Phúc Yên
-	Trường Cao đẳng Cơ khí nông nghiệp	1	Huyện Bình Xuyên
-	Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại	1	Thành phố Phúc Yên
-	Trường Cao đẳng nghề Việt Xô số 1	1	Thành phố Phúc Yên
-	Trường Cao đẳng Cơ điện Hà Nội cơ sở 3	1	Thành phố Phúc Yên
-	Trường Cao đẳng Công nghệ kinh tế Hà Nội cơ sở 2	1	Thành phố Phúc Yên
1.2	Các trường do tỉnh quản lý	6	
-	Trường Cao đẳng nghề Vĩnh Phúc	1	Thành phố Vĩnh Yên
-	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Vĩnh Phúc	1	Thành phố Vĩnh Yên
-	Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc	1	Thành phố Phúc Yên
-	Trường Trung cấp Công nghệ Thẩm mỹ Việt Hàn	1	Thành phố Vĩnh Yên
-	Trường Trung cấp Kinh doanh và quản lý Tâm Tín	1	Thành phố Vĩnh Yên
-	Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật xây dựng và Nghiệp vụ	1	Thành phố Phúc Yên
1.3	Các trung tâm giáo dục nghề nghiệp	17	Các huyện, thành phố
2	**Quy hoạch mới**		
-	Trường cao đẳng		Vị trí quy hoạch được cân nhắc trên nhu cầu, khả năng thu hút quỹ đất và các điều kiện khác của địa phương
-	Trường trung cấp ngoài công lập		Vị trí quy hoạch được cân nhắc trên nhu cầu, khả năng thu hút quỹ đất và các điều kiện khác của địa phương

TT	Danh mục	Số cơ sở	Địa điểm dự kiến
-	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên		Huyện Sông Lô

Ghi chú: Tên, quy mô, địa điểm, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Đối với những cơ sở giáo dục, đào tạo, nghề nghiệp chưa có trong danh mục thì tiếp tục duy trì, phát triển như hiện trạng.

Phụ lục XVI

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CƠ SỞ Y TẾ TỈNH VĨNH PHÚC THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục	Số cơ sở	Địa điểm dự kiến
	Các cơ sở y tế		
A	**Khối công lập thuộc tỉnh**		
	Các cơ sở hiện có (xây mới và nâng cấp)		
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh	1	Thành phố Vĩnh Yên
2	Bệnh viện đa khoa khu vực Phúc Yên	1	Thành phố Phúc Yên
3	Bệnh viện Sản - Nhi	1	Huyện Yên Lạc
4	Bệnh viện Y học cổ truyền	1	Thành phố Vĩnh Yên
5	Bệnh viện hồi phục chức năng	1	Thành phố Vĩnh Yên
6	Bệnh viện Tâm thần	1	Thành phố Vĩnh Yên
7	Bệnh viện đa khoa Giao thông vận tải	1	Thành phố Phúc Yên
8	Trung tâm y tế thành phố Vĩnh Yên	1	Thành phố Vĩnh Yên
9	Trung tâm y tế thành phố Phúc Yên	1	Thành phố Phúc Yên
10	Trung tâm y tế huyện Bình Xuyên	1	Huyện Bình Xuyên
11	Trung tâm y tế huyện Tam Dương	1	Huyện Tam Dương
12	Trung tâm y tế huyện Tam Đảo	1	Huyện Tam Đảo
13	Trung tâm y tế huyện Lập Thạch	1	Huyện Lập Thạch
14	Trung tâm y tế huyện Sông Lô	1	Huyện Sông Lô
15	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Tường	1	Huyện Vĩnh Tường
16	Trung tâm y tế huyện Yên Lạc	1	Huyện Yên Lạc
17	Các cơ sở y tế tuyến tỉnh		Các huyện, thành phố
	Quy hoạch mới		
1	Nghiên cứu đầu tư xây dựng mới các cơ sở y tế thuộc tỉnh		Các huyện, thành phố

TT	Danh mục	Số cơ sở	Địa điểm dự kiến
B	**Khối công lập thuộc bộ, ngành**		
1	Bệnh viện Quân Y 109	1	Thành phố Vĩnh Yên
2	Bệnh viện 74 Trung ương	1	Thành phố Phúc Yên
C	**Các cơ sở y tế ngoài công lập**		
1	Bệnh viện Hữu nghị Lạc Việt	2	Cơ sở 1: Thành phố Vĩnh Yên Cơ sở 2: Thành phố Phúc Yên
2	Các cơ sở y tế ngoài công lập (thành lập mới)		Số cơ sở và địa điểm trên toàn tỉnh dựa trên nhu cầu và khả năng thu hút đầu tư của từng địa phương

Ghi chú: Tên, quy mô, địa điểm, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Đối với những cơ sở chưa có trong danh mục thì tiếp tục duy trì, phát triển như hiện trạng.

Phụ lục XVII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI TỈNH VĨNH PHÚC THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục	Số cơ sở	Địa điểm dự kiến
I	**Các cơ sở hiện có (cải tạo, nâng cấp)**		
1	Trung tâm Điều dưỡng người có công Tam Đảo	1	Huyện Tam Đảo
2	Trung tâm công tác xã hội tỉnh Vĩnh Phúc	1	Thành phố Vĩnh Yên
3	Trung tâm nuôi dưỡng và Phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Vĩnh Phúc	1	Huyện Tam Dương
4	Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc	1	Huyện Tam Dương
II	**Quy hoạch mới**		
1	Khuyến khích thu hút thành lập các cơ sở trợ giúp xã hội		Các huyện, thành phố
2	Trung tâm Điều dưỡng người có công	1	Thành phố Phúc Yên

Ghi chú: Tên, quy mô, địa điểm, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Đối với những cơ sở chưa có trong danh mục thì tiếp tục duy trì, phát triển như hiện trạng.

Phụ lục XVIII

CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH VĨNH PHÚC ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích (ha)	
		Chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ *	Nhu cầu tăng/giảm so với chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ* theo đề nghị của tỉnh
I	**Loại đất**		
I.1	**Đất nông nghiệp**	**75.770**	**-10.357**
	Trong đó:		
1	Đất trồng lúa	23.593	-6.129
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	23.593	-8.252
2	Đất rừng phòng hộ	3.656	-185
3	Đất rừng đặc dụng	14.988	342
4	Đất rừng sản xuất	7.730	-687
I.2	**Đất phi nông nghiệp**	**47.747**	**10.391**
	Trong đó:		
1	Đất quốc phòng	1.547	
2	Đất an ninh**	473	111
3	Đất khu công nghiệp	4.815	631
4	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	19.700	4.584
	Trong đó:		
	Đất giao thông	12.053	1.272
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	436	90
	Đất xây dựng cơ sở y tế	126	48
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo	1.617	
	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	756	824
	Đất công trình năng lượng	336	61
	Đất công trình bưu chính, viễn thông	28	10

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích (ha)	
		Chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ *	Nhu cầu tăng/giảm so với chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ* theo đề nghị của tỉnh
5	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	8	
6	Đất có di tích, lịch sử - văn hóa	157	62
7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	259	76
I.3	**Đất chưa sử dụng**	**83**	**-34**
II	**Khu chức năng**		
	Đất khu công nghệ cao		
	Đất khu kinh tế		
	Đất đô thị	**27.844**	**7.055**

Ghi chú:

- Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt phải bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc có trách nhiệm xây dựng kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất cấp huyện phù hợp với phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất trong quy hoạch tỉnh để làm căn cứ thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo đúng quy định của pháp luật.

* Theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025.

** Diện tích đất an ninh đến năm 2030 thực hiện theo Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; trong quá trình triển khai thực hiện, chỉ tiêu đất quốc phòng, đất an ninh được điều chỉnh phù hợp với quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh.

Diện tích đất lâm nghiệp thực hiện theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Phụ lục XIX

PHƯƠNG ÁN PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC TỈNH VĨNH PHÚC THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên vùng/tiểu vùng/khu vực	Ký hiệu
A	**PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**	
I	**Vùng bảo vệ nghiêm ngặt**	**N**
1	**Tiểu vùng bảo tồn nghiêm ngặt**	**N1**
	Vườn Quốc gia Tam Đảo	
	Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Đông Bắc bộ	
	Khu vực các vùng đất ngập nước quan trọng: ngã 3 sông Đà - sông Lô - sông Thao, hồ Vân Trục, Hồ Đại Lải	
	Vùng bảo vệ nguồn nước hồ cấp nước sinh hoạt: hồ Đại Lải, hồ Vân Trục, hồ Xạ Hương, hồ Bò Lạc,…	
	Khu vực bảo vệ I của các di tích quốc gia đặc biệt, di tích cấp quốc gia trên địa bàn	
	Vùng sinh thủy và khu vực cấp nước sinh hoạt	
2	**Tiểu vùng bảo vệ có kiểm soát**	**N2**
	Các đô thị loại II: thành phố Vĩnh Yên và Phúc Yên	
	Phân khu dịch vụ hành chính: Khu bảo tồn thiên nhiên Vườn quốc gia Tam Đảo; khu bảo tồn loài và sinh cảnh Đông bắc bộ; khu bảo tồn loài và sinh cảnh Khu vực ngã 3 sông Đà - sông Lô - sông Thao; khu bảo vệ cảnh quan Thiền viện Trúc lâm Tuệ Đức; khu bảo vệ cảnh quan hồ Vân Trục; khu bảo vệ cảnh quan hồ Đại Lải,…	
II	**Vùng hạn chế phát thải**	**H**
1	**Tiểu vùng đệm khu bảo tồn thiên nhiên, khu di tích lịch sử - văn hóa - danh lam thắng cảnh, khu di sản thiên nhiên, khu vực khác không phải khu dân cư tập trung ở đô thị đặc biệt, loại I, loại II, loại III**	**H1**

STT	Tên vùng/tiểu vùng/khu vực	Ký hiệu
	Vùng đệm các khu bảo tồn thiên nhiên Vườn quốc gia Tam Đảo; khu bảo tồn loài và sinh cảnh Đông bắc bộ; khu vực các vùng đất ngập nước quan trọng: ngã 3 sông Đà - sông Lô - sông Thao, hồ Vân Trục, Hồ Đại Lải.	
	Khu vực bảo vệ II Khu di tích lịch sử: di tích Tháp Bình Sơn; quần thể di tích Tây Thiên - Tam Đảo; di tích Đình Thổ Tang.	
2	**Tiểu vùng hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt**	**H2**
	Hành lang bảo vệ nguồn nước các sông suối trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc: sông Hồng; sông Lô; sông Phó Đáy.	
3	**Tiểu vùng khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V**	**H3**
	05 đô thị loại IV: thị xã Vĩnh Tường, thị xã Tam Đảo, thị xã Bình Xuyên; đô thị Yên Lạc, đô thị Tam Dương	
	19 đô thị loại V tại huyện Sông Lô và huyện Lập Thạch	
4	**Tiểu vùng khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường cần được bảo vệ**	**H4**
	Vùng trồng lúa 2 vụ tại các huyện: Sông Lô; Vĩnh Tường; Yên Lập; Tam Dương; Lập Thạch	
	Vùng nuôi cá nước ngọt ở các hồ chứa thủy lợi và trên các vùng nước ven sông, suối các huyện: Vĩnh Tường; Yên Lạc, Bình Xuyên; Tam Dương, Vĩnh Yên; Phúc Yên; Tam Đảo.	
III	**Vùng khác**	**K**
	Các khu vực còn lại ngoài các vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải	K
B	**PHƯƠNG ÁN BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC**	
I	**Khu bảo tồn thiên nhiên**	**BT**
II	**Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học**	**CS**
1	Vườn thực vật	CS1
2	Vườn cây thuốc	CS2
3	Trung tâm cứu hộ động vật	CS3

Phụ lục XX

PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TỈNH VĨNH PHÚC THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục/địa phương	Tổng số (điểm)	Trong đó:	
			Hiện có	Bổ sung mới
I	**Môi trường nước mặt**	**109**	**47**	**62**
1	Huyện Sông Lô	12	4	8
2	Huyện Lập Thạch	12	2	10
3	Huyện Tam Dương	26	17	9
4	Huyện Tam Đảo	10	6	4
5	Huyện Bình Xuyên	16	10	6
6	Thành phố Vĩnh Yên	4	4	0
7	Thành phố Phúc Yên	8	5	3
8	Huyện Yên Lạc	12	0	12
9	Huyện Vĩnh Tường	11	1	10
II	**Môi trường nước dưới đất**	**51**	**30**	**21**
1	Huyện Sông Lô	7	4	3
2	Huyện Lập Thạch	4	2	2
3	Huyện Tam Dương	4	2	2
4	Huyện Tam Đảo	6	4	2
5	Huyện Bình Xuyên	10	6	4
6	Thành phố Vĩnh Yên	1	0	1
7	Thành phố Phúc Yên	3	2	1
8	Huyện Yên Lạc	8	5	3
9	Huyện Vĩnh Tường	8	6	2
III	**Môi trường không khí xung quanh**	**102**	**40**	**62**
1	Huyện Sông Lô	13	5	8
2	Huyện Lập Thạch	16	6	10

STT	Danh mục/địa phương	Tổng số (điểm)	Trong đó:	
			Hiện có	Bổ sung mới
3	Huyện Tam Dương	14	5	9
4	Huyện Tam Đảo	8	4	4
5	Huyện Bình Xuyên	10	4	6
6	Thành phố Vĩnh Yên	2	2	0
7	Thành phố Phúc Yên	5	2	3
8	Huyện Yên Lạc	20	8	12
9	Huyện Vĩnh Tường	13	3	10
IV	**Môi trường đất**	**25**	**13**	**12**
1	Huyện Sông Lô	3	1	2
2	Huyện Lập Thạch	4	2	2
3	Huyện Tam Dương	2	1	1
4	Huyện Tam Đảo	3	3	
5	Huyện Bình Xuyên	6	2	4
6	Thành phố Vĩnh Yên	0	0	
7	Thành phố Phúc Yên	1	1	
8	Huyện Yên Lạc	4	2	2
9	Huyện Vĩnh Tường	2	1	1
V	**Môi trường trầm tích**	**15**	**15**	
1	Huyện Sông Lô	0	0	
2	Huyện Lập Thạch	0	0	
3	Huyện Tam Dương	2	2	
4	Huyện Tam Đảo	0	0	
5	Huyện Bình Xuyên	3	3	
6	Thành phố Vĩnh Yên	4	4	
7	Thành phố Phúc Yên	4	4	
8	Huyện Yên Lạc	1	1	
9	Huyện Vĩnh Tường	1	1	

Phụ lục XXI

PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH BẢO VỆ, THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN TỈNH VĨNH PHÚC THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Loại khoáng sản	Hiện trạng	Tổng số khu mỏ	Tổng diện tích dự kiến (ha)	Trữ lượng và tài nguyên còn lại (tạm tính)	Ghi chú
I	Các khu mỏ quy hoạch khoáng sản cơ quan trung ương cấp phép: Không có					
II	Các khu vực quy hoạch khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh: 52 khu vực					
1	Đất làm vật liệu san lấp	38 khu vực đang có hoạt động khai thác còn hiệu lực; 64 khu vực đề nghị bổ sung quy hoạch, trong đó có 62 khu vực là đất san lấp và 02 khu vực là nạo vét lòng sông.	102	682	78,30	Triệu m^3
2	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	10 mỏ đang khai thác; 04 mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng chưa cấp phép khai thác.	14	123	16,43	Triệu m^3
3	Cát xây dựng	05 mỏ đang khai thác, 10 mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng chưa cấp phép khai thác, 9 khu vực đề nghị bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác và 05 khu vực trên các sông, suối.	29	339	5,47	Triệu m^3

STT	Loại khoáng sản	Hiện trạng	Tổng số khu mỏ	Tổng diện tích dự kiến (ha)	Trữ lượng và tài nguyên còn lại (tạm tính)	Ghi chú
4	Sét làm gạch	01 mỏ đang khai thác, 12 khu vực đề nghị bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác.	11	422	8,86	Triệu m^3
5	Than bùn	Có 02 khu vực đề nghị thăm dò, khai thác.	2	77,48	1,18	Triệu tấn

Ghi chú:

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch, căn cứ quy hoạch cấp cao hơn, phương án quy hoạch này và các phương án quy hoạch khác có liên quan để rà soát, xác định và điều chỉnh, bổ sung theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh, bổ sung số lượng, ranh giới, quy mô, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng các điểm mỏ (nếu cần) bảo đảm phù hợp với thực tiễn phát triển của tỉnh, các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền và quy định hiện hành.

- Các khu vực bãi thải của mỏ có quyết định đóng cửa mỏ và các khu vực khoáng sản được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố là khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ thì quy mô diện tích, công suất, giai đoạn theo dự án đầu tư, đề án thăm dò được lập và phê duyệt.

- Đối với một số khu vực mỏ, khoáng sản dự kiến khai thác sau năm 2030, trường hợp đủ điều kiện và huy động được nguồn lực đầu tư thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận cho phép triển khai sớm hơn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội

- Tất cả các khu vực quy hoạch, khi thăm dò phát hiện khoáng sản có giá trị cao hơn vật liệu xây dựng thông thường phải báo cấp có thẩm quyền giải quyết, định hướng khai thác sử dụng đúng giá trị tài nguyên.

- Đối với cát xây dựng và san lấp trên tuyến sông, đặc biệt là sông Hồng phải có đầu tư khảo sát đánh giá, xác định chi tiết diện tích thăm dò, khai thác để đảm bảo an toàn môi trường, dòng chảy và lòng bờ, bãi sông, tuân thủ theo các quy định Luật Khoáng sản và các Nghị định có liên quan. Đặc biệt là Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

Phụ lục XXII

DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên dự án
I	**Giao thông vận tải**
1	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến đường quốc lộ 2 (đoạn qua địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc)
	Cải tạo, mở rộng quốc lộ 2 đoạn Vĩnh Yên - Việt Trì
	Mở rộng quốc lộ 2 đoạn từ cầu Xuân Phương đến Vĩnh Yên
	Mở rộng quốc lộ 2 tránh thành phố Vĩnh Yên và xây dựng đường gom 2
2	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến đường trục Bắc - Nam (đoạn từ cầu Vân Phúc, huyện Yên Lạc đến thị trấn Hợp Châu, huyện Tam Đảo)
	Đường trục Bắc - Nam đô thị Vĩnh Phúc đoạn quốc lộ 2A tránh thành phố Vĩnh Yên đến đường Vành đai 3
	Nâng cấp, mở rộng đường trục Bắc - Nam đô thị Vĩnh Phúc, đoạn từ đường Vành đai 2 thành phố Vĩnh Yên đến thị trấn Hợp Châu, huyện Tam Đảo
3	Xây dựng Đường Vành đai 5 thủ đô đoạn từ cầu Vĩnh Thịnh đến nút giao IC5 (gồm cả đường gom 2 bên)
4	Đường Vành đai 5 đoạn từ hồ Vân Trục đến đê tả sông Lô
5	Đường Vành đai 4 đoạn từ huyện Bình Xuyên đến huyện Vĩnh Tường (giai đoạn 2)
6	Đường Vành đai 4 theo quy hoạch phát triển giao thông vận tải đoạn từ quốc lộ 2 đi đường tỉnh 305
7	Đường vành đai 2 thành phố Vĩnh Yên, đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến quốc lộ 2 (bao gồm cả cầu vượt đường sắt)
8	**Xây dựng mới, nâng cấp tuyến đường tỉnh 310**
	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 310C đoạn từ quốc lộ 2C đến quốc lộ 2B
	Xây dựng đường tỉnh 310 kéo dài (tuyến tránh quốc lộ 2C)
9	**Xây dựng tuyến đường gom hai bên đường sắt Hà Nội - Lào Cai (nhằm tăng cường liên kết trục Đông - Tây hướng tâm)**
	Đường gom hai bên đường sắt Hà Nội - Lào Cai (tuyến phía Bắc và tuyến phía Nam), các đoạn còn lại kết nối từ Vĩnh Yên đến cầu Hạc Trì

TT	Tên dự án
	Đường song song đường sắt Hà Nội - Lào Cai (tuyến phía bắc) đoạn từ quốc lộ 2C đến đường Hợp Thịnh - Đạo Tú
	Đường song song đường sắt Hà Nội - Lào Cai (tuyến phía bắc) đoạn từ đường tỉnh 310B (Cảng cạn ICD) đến quốc lộ 2 Phúc Yên
10	Xây dựng đường trục Đông - Tây đô thị Vĩnh Phúc, đoạn từ Tân Phong đi Trung Nguyên (đường tỉnh 303C)
11	Mở rộng đường trục trung tâm Khu đô thị mới Mê Linh
12	Xây dựng mới đường trục trung tâm Mê Linh kéo dài kết nối hồ Đại Lải
13	Xây dựng tuyến giao thông kết nối đê tả sông Hồng đến cầu Vân Phúc
14	Xây dựng tuyến đường dẫn và cầu Hải Lựu
15	Xây dựng đường tỉnh 310D
16	Xây dựng cầu Vĩnh Phú qua sông lô kết nối hai tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ
17	Xây dựng nút giao IC2 và nút giao IC5 Cao tốc Nội Bài - Lào Cai
18	Bến xe khách kiêm bãi đỗ xe Phúc Yên
19	Xây dựng các cảng thủy quốc gia (cảng Cam Giá, cảng Vĩnh Thịnh, cảng An Tường, cảnh Như Thụy, cảng Đức Bác)
20	Xây dựng các cảng thủy địa phương (cảng Hải Lựu, cảng Sơn Đông, cảng Cao Phong, cảng Cao Đại, cảng Trung Hà, cảng Việt Xuân)
II	**Công nghiệp, năng lượng**
1	Thu hút đầu tư phát triển công nghiệp điện tử tại vùng công nghiệp động lực, các huyện, thành phố bám dọc theo trục đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai và trục đường Vành đai 4 của tỉnh
2	Thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế biến trong nông nghiệp và sản xuất vật liệu xây dựng tại vùng công nghiệp phụ trợ thuộc các huyện, thành phố bám dọc theo trục đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai và trục đường Vành đai 4 của tỉnh và đường tỉnh 310
3	Thu hút đầu tư các dự án sản xuất kinh doanh vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh
4	Thu hút đầu tư các dự án sản xuất kinh doanh vào các cụm công nghiệp phát triển mới
5	Xây dựng hệ thống hạ tầng truyền tải điện đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp và sinh hoạt trên địa bàn tỉnh

TT	Tên dự án
III	**Đô thị - Thương mại**
1	Thu hút đầu tư xây dựng các đô thị, trung tâm thương mại, siêu thị,… tập trung tại các thành phố và trung tâm các huyện
2	Thu hút đầu tư xây dựng các khu đô thị, khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng tại khu vực hồ Sáu Vó huyện Bình Xuyên, xã Ngọc Thanh thành phố Phúc Yên, huyện Tam Đảo, huyện Lập Thạch,…
3	Xây dựng các khu nhà ở công nhân, nhà ở xã hội phục vụ cho công nhân lao động trong các Khu công nghiệp
4	Thu hút đầu tư xây dựng chợ đầu mối, trung tâm trưng bày sản phẩm tại huyện Vĩnh Tường và huyện Yên Lạc
IV	**Văn hóa - Thể thao - Du lịch**
1	Dự án xây dựng trung tâm triển lãm tỉnh và giới thiệu thành tựu kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc.
2	Tu bổ, tôn tạo, phục hồi các di tích lịch sử, di tích được xếp hạng trên địa bàn tỉnh
3	Khu liên hợp thể thao tỉnh Vĩnh Phúc
4	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp hạ tầng du lịch, các thiết chế văn hóa, thể thao của tỉnh
5	Thu hút các dự án đầu tư vào các lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, vui chơi giải trí, sân gôn,… ở các huyện, thành phố
6	Phát triển các dự án du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, vui chơi giải trí, sân gôn ven chân núi Tam Đảo, hồ Vân Trục, hồ Bò Lạc, Suối Sải, Thác Bay,…
7	Phát triển tổ hợp các khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, sân gôn, dịch vụ vui chơi giải trí, chăm sóc y tế, sức khỏe tại xã Ngọc Thanh và các khu vực lân cận
8	Phát triển các dự án du lịch khám phá, du lịch văn hóa, kết hợp vui chơi giải trí, sinh thái, nghỉ dưỡng Tây Thiên
9	Phát triển các dự án tổ hợp du lịch dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng vui chơi tại khu vực Đầm Rừng, Đầm Vạc,…
V	**Khoa học, Công nghệ, Thông tin truyền thông**
1	Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất cho các tổ chức khoa học và công nghệ, các khu thực nghiệm ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật
2	Xây dựng Trung tâm Ứng dụng và Đổi mới sáng tạo tỉnh Vĩnh Phúc

TT	Tên dự án
3	Phát triển các trạm phát sóng 5G và hạ tầng kết nối vạn vật (IoT) - hạ tầng nền tảng số và dữ liệu số phục vụ chuyển đổi số
4	Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động xuất bản, báo chí, phát thanh, truyền hình,…
VI	**Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy sản và Thủy lợi**
1	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi, hồ chứa nước lớn phục vụ đa mục đích (thủy lợi và phát triển du lịch)
2	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp tuyến đê, kè, kênh mương, luồng tiêu, trạm bơm,...
3	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình phục vụ nông, lâm nghiệp và thủy sản
4	Khuyến khích thu hút đầu tư các dự án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng tập trung; các dự án nông, lâm nghiệp và thủy sản liên kết theo chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ;… tại các huyện, thành phố
VII	**Môi trường**
1	Dự án bảo tồn đa dạng sinh học tại Vườn quốc gia Tam Đảo
2	Các dự án bảo tồn, lưu trữ và phát triển nguồn gen bản địa quý hiếm có giá trị; dự án ngăn ngừa và diệt trừ sinh vật ngoại lai xâm hại và có nguy cơ xâm hại; dự án phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng bị suy thoái
3	Xây dựng các nhà máy thu gom/xử lý nước thải, rác thải, chất thải rắn
4	Xây dựng các nghĩa trang tập trung, nhà tang lễ tại các huyện, thành phố, xây dựng công viên nghĩa trang
5	Xây dựng hệ thống các trạm, điểm quan trắc môi trường
VIII	**Giáo dục đào tạo, lao động thương binh xã hội và y tế**
1	Xây dựng trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh
2	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị các trường học trên địa bàn tỉnh
3	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh
4	Cải tạo, nâng cấp trường Chính trị tỉnh
5	Xây dựng mới Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh

TT	Tên dự án
6	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các bệnh viện tuyến tỉnh, các cơ sở y tế tuyến tỉnh, các trung tâm y tế tuyến huyện, các trạm y tế tuyến xã
7	Khuyến khích thu hút đầu tư xây dựng trường học các cấp, các trung tâm trải nghiệm giáo dục, các cơ sở y tế tư nhân, các cơ sở trợ giúp xã hội,…

Ghi chú:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cam kết không hợp thức hóa các sai phạm và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương và các quyết định đầu tư dự án tại Phụ lục này.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ xác định cụ thể trong giai đoạn lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật.

- Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên căn cứ vào các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành của địa phương,... và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

Phụ lục XXIII

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỈNH VĨNH PHÚC THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên sơ đồ, bản đồ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn tỉnh Vĩnh Phúc	1:50.000
2	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng tỉnh Vĩnh Phúc	1:50.000
3	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội tỉnh Vĩnh Phúc	1:50.000
4	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật tỉnh Vĩnh Phúc	1:50.000
5	Sơ đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất tỉnh Vĩnh Phúc	1:50.000
6	Sơ đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên tỉnh Vĩnh Phúc	1:50.000
7	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Vĩnh Phúc	1:50.000
8	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện tỉnh Vĩnh Phúc	1:50.000

VGP CHINHPHU.VN
Người ký: CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 19.03.2024 14:17:54 +07:00

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/CT-TTg

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2024

CHỈ THỊ
Về tổ chức "Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ" và tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, chương trình, đề án trồng rừng, phục hồi rừng và trồng cây phân tán. Những nỗ lực này đã góp phần nâng tỷ lệ che phủ rừng từ 40,84% năm 2015 lên 42,02% vào năm 2022; duy trì, phát triển hơn 14,7 triệu ha rừng, trong đó có 4,6 triệu ha rừng trồng; nhờ đó đã tạo ra nguồn nguyên liệu ổn định cho ngành công nghiệp chế biến, xuất khẩu đồ gỗ và lâm sản; góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao thu nhập, cải thiện sinh kế cho những người làm nghề rừng, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Nhận thức được vị trí, vai trò ngày càng quan trọng của việc trồng cây, trồng rừng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và đảm bảo quốc phòng an ninh, ngày 01 tháng 4 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 524/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025".

Sau 3 năm thực hiện Đề án, với sự nỗ lực tham gia của các cấp, các ngành và toàn xã hội, đến nay cả nước đã trồng được gần 770 triệu cây, đạt 121% so với kế hoạch; phong trào xã hội hóa trồng cây, trồng rừng ngày càng được các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân quan tâm, ủng hộ. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đã đạt được, công tác phát triển rừng và trồng cây xanh còn gặp một số khó khăn, thách thức như: diện tích đất chưa trồng rừng chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn; công tác quản lý quy hoạch, duy trì diện tích đất cho trồng cây xanh đô thị chưa được quan tâm đúng mức; diện tích đất cây xanh đô thị hiện nay thấp hơn nhiều so với các quy chuẩn về quy hoạch đô thị; phát triển cây xanh ở một số địa phương còn manh mún, chưa được quy hoạch thống nhất, đồng bộ; việc phối hợp giữa cơ quan quản lý trực tiếp cây xanh với các đơn vị quản lý hạ tầng kỹ thuật còn hạn chế; vốn đầu tư cho công tác phát triển rừng còn hạn chế, phân bổ còn chậm, mức hỗ trợ trồng cây, trồng rừng còn thấp so với yêu cầu thực tiễn.

Tình hình an ninh trật tự liên quan đến lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng tại một số địa bàn vẫn có nhiều diễn biến phức tạp, đặc biệt là các vụ việc tranh chấp, lấn chiếm đất lâm nghiệp. Một số địa phương chưa thực sự quan tâm đầu tư về kinh phí và chỉ đạo nên tiến độ rà soát, đo đạc, cắm mốc ranh giới rừng trên thực địa còn chậm.

Để tổ chức phong trào "Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ" thiết thực, hiệu quả, đồng thời tăng cường công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng góp phần phát triển kinh tế - xã hội, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiên tai; chủ động thực hiện các cam kết quốc tế, đặc biệt là cam kết đưa mức phát thải ròng về "0" vào năm 2050 và thực hiện Tuyên bố Glasgow của các nhà lãnh đạo thế giới về rừng và sử dụng đất tại Hội nghị Công ước khung Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu lần thứ 26 (COP26), Thủ tướng Chính phủ yêu cầu:

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao:

a) Phổ biến, tuyên truyền và tổ chức thực hiện tốt pháp luật về lâm nghiệp nhằm nâng cao nhận thức của mọi tầng lớp nhân dân về vai trò, tác dụng, giá trị của rừng, ý nghĩa của việc trồng cây, trồng rừng, bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần giảm nhẹ thiên tai; tổ chức chỉ đạo thực hiện tốt phong trào "Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ", cụ thể:

- Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch trồng cây phân tán, trồng rừng tập trung, phát triển lâm sản ngoài gỗ; nông lâm kết hợp; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học gắn với việc phát triển kinh tế - xã hội, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và nâng cao giá trị đa dụng của rừng ở địa phương.

- Việc tổ chức triển khai "Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ" phải thiết thực, hiệu quả, không phô trương hình thức; tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các cơ chế, chính sách trong lâm nghiệp, đồng thời tăng cường huy động xã hội hóa, tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, trường học, lực lượng vũ trang và mọi tầng lớp nhân dân hưởng ứng tích cực, tham gia trồng cây, trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng.

- Quản lý chặt chẽ giống cây trồng lâm nghiệp; chú trọng phát triển các loài cây trồng lâm nghiệp bản địa đa mục đích; ưu tiên sử dụng cây giống mô, hom chất lượng cao; kết hợp trồng cây lâm sản ngoài gỗ để nâng cao giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng.

- Đẩy mạnh trồng cây xanh lâu năm phân tán ở khu vực đô thị, khu dân cư tập trung, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu văn hóa - lịch sử, hành lang giao thông, kết hợp phòng hộ trong khu canh tác nông nghiệp.

b) Tổ chức thực hiện nghiêm, có hiệu quả Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 2017 và Kết luận số 61-KL/TW ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, nhất là rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về lâm nghiệp của các bộ, ngành, ủy ban nhân dân các cấp theo đúng quy định của pháp luật; xác định rõ vai trò của người đứng đầu trong việc để xảy ra vi phạm.

c) Khẩn trương tổ chức thực hiện và hoàn thành việc giao đất, giao rừng, cho thuê rừng gắn với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp theo Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội; bảo đảm tất cả diện tích rừng và đất được quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp phải được giao, cho thuê đến những chủ rừng thực sự.

d) Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng; kịp thời đấu tranh, ngăn chặn xử lý nghiêm minh, triệt để các hành vi phá rừng, lấn, chiếm đất rừng trái pháp luật, tình trạng khai thác, vận chuyển tiêu thụ lâm sản bất hợp pháp, tình trạng săn bắt, bẫy, kinh doanh, vận chuyển và tiêu thụ động vật hoang dã.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng cháy, chữa cháy rừng, chống chặt, phá rừng trái pháp luật. Chỉ đạo kiểm tra, rà soát phương án, kế hoạch phòng cháy, chữa cháy rừng của các đơn vị, chủ rừng; tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức, trách nhiệm trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn việc sử dụng lửa trong rừng và gần rừng của người dân, nhất là việc đốt nương làm rẫy; kịp thời phát hiện, phòng ngừa, xử lý nghiêm theo đúng quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm.

đ) Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý, theo dõi hiện trạng, diễn biến rừng; xây dựng, cập nhật kịp thời cơ sở dữ liệu về tài nguyên rừng; thực hiện điều tra rừng, xác định hiện trạng diện tích, trữ lượng rừng, trữ lượng các - bon của rừng để quản lý rừng bền vững, nhằm phát huy giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng, góp phần phát triển kinh tế xã hội của đất nước theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các địa phương thực hiện có hiệu quả Chỉ thị này; theo dõi, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả 5 năm thực hiện Đề án trồng 1 tỷ cây xanh.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các địa phương: tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, thực hiện công tác điều tra rừng theo quy định tại Điều 33 Luật Lâm nghiệp và Kết luận số 61-KL/TW ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Ban Bí thư, xây dựng cơ sở dữ liệu và hồ sơ quản lý rừng, đảm bảo kịp thời cung cấp số liệu chính xác, đầy đủ, cập nhật về diện tích và chất lượng rừng phục vụ công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát, chỉ đạo, điều hành quản lý nhà nước về lâm nghiệp ở các cấp.

c) Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ các chương trình, đề án, cơ chế, chính sách về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng để nâng cao chất lượng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên nhằm phát huy tốt chức năng của từng loại rừng, bảo tồn hệ sinh thái rừng, đa dạng sinh học, nâng cao trữ lượng các - bon của rừng và phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; góp phần phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

d) Tổ chức quản lý, bảo vệ, sử dụng hệ sinh thái rừng một cách khoa học, minh bạch, hiệu quả, trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương và giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng (trong đó có giá trị hấp thụ, lưu giữ các - bon) nhằm nâng cao giá trị kinh tế, tạo ra nhiều việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện sinh kế cho người làm nghề rừng.

đ) Huy động, quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư, hỗ trợ đầu tư, nguồn vốn xã hội hóa; lồng ghép với các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình đầu tư công và các Chương trình, đề án khác giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo để thực hiện thành công Chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn 2050, Đề án "Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025" đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam và các cơ quan có liên quan tăng cường thời lượng và đẩy mạnh tuyên truyền, phát hiện, phổ biến các mô hình tốt, kinh nghiệm hay trong việc thực hiện phong trào trồng cây, trồng rừng và quản lý, bảo vệ, phát triển rừng nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiên tai.

4. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội phổ biến, vận động các thành viên về nội dung của Chỉ thị này và tham gia tích cực, giám sát quá trình thực hiện.

5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này./.

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

VGP CHINHPHU.VN
Người ký: CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 19.03.2024 14:18:11 +07:00

BỘ CÔNG AN

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 721/QĐ-BCA

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công an kỳ 2019 - 2023

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020);

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của đồng chí Cục trưởng Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp tại Công văn số 570/V03-P4 ngày 31 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công an kỳ 2019 - 2023 bao gồm các Danh mục như sau:

- Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023 (gồm 268 văn bản);

- Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023 (gồm 54 văn bản);

- Danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023 (gồm 574 văn bản);

- Danh mục văn bản quy phạm pháp luật cần đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023 (gồm 56 văn bản).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các đồng chí Thủ trưởng đơn vị thuộc cơ quan Bộ, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trung tướng Lê Quốc Hùng

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ CÔNG AN TRONG KỲ HỆ THỐNG HÓA 2019 - 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số 721/QĐ-BCA ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an)

A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2019

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
I	**Luật, Pháp lệnh**					
1	Luật	07/2007/QH12	21/11/2007	Luật Đặc xá	Luật Đặc xá năm 2018 (số 30/2018/QH14 ngày 19/11/2018) thay thế	01/7/2019
2	Luật	73/2014/QH13	27/11/2014	Luật Công an nhân dân	Luật Công an nhân dân năm 2018 (số 37/2018/QH14 ngày 20/11/2018) thay thế	01/7/2019
II	**Nghị định**					
1	Nghị định	76/2008/NĐ-CP	04/7/2008	Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Đặc xá	Nghị định số 52/2019/NĐ-CP ngày 14/6/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Đặc xá thay thế	01/8/2019
2	Nghị định	91/2013/NĐ-CP	12/8/2013	Nghị định quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân	Nghị định số 22/2019/NĐ-CP ngày 25/02/2019 quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân thay thế	15/4/2019

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
3	Nghị định	103/2015/NĐ-CP	20/10/2015	Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công an nhân dân	Nghị định số 49/2019/NĐ-CP ngày 06/6/2019 quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công an nhân dân thay thế	25/7/2019
4	Nghị định	129/2015/NĐ-CP	15/12/2015	Nghị định quy định về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân	Nghị định số 70/2019/NĐ-CP ngày 23/8/2019 quy định về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an thay thế	10/10/2019
III	**Quyết định của Thủ tướng Chính phủ**					
1	Quyết định	182/2006/QĐ-TTg	09/8/2006	Quyết định về Danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật trong ngành bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin	Quyết định số 21/2019/QĐ-TTg ngày 19/6/2019 về Danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật của ngành thông tin và truyền thông thay thế	05/8/2019
IV	**Thông tư liên tịch**					
1	Thông tư liên tịch	09/2009/TTLT-BCA-BYT	03/11/2009	Thông tư liên tịch hướng dẫn khám sức khỏe để tuyển chọn công dân phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân	Thông tư số 45/2019/TT-BCA ngày 02/10/2019 quy định về tiêu chuẩn sức khỏe và khám sức khỏe tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân thay thế	18/11/2019
2	Thông tư liên tịch	11/2013/TTLT-BCA-BQP-BTP-VKSNDTC-TANDTC	06/11/2013	Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động thi hành án hình sự	Thông tư liên tịch số 01/2019/TTLT-BCA-BQP-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 10/10/2019 bãi bỏ	25/11/2019

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
3	Thông tư liên tịch	22/2014/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT	21/11/2014	Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động tố tụng	Thông tư liên tịch số 17/2018/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT ngày 20/12/2018 bãi bỏ	04/02/2019
4	Thông tư liên tịch	09/2015/TTLT-BCA-BYT-BTC	28/12/2015	Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế đối với người lao động, học sinh, sinh viên, thân nhân sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ trong Công an nhân dân	Thông tư số 57/2019/TT-BCA ngày 11/11/2019 hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế đối với người lao động, học sinh, sinh viên và thân nhân của cán bộ, chiến sĩ, công nhân công an đang phục vụ, công tác trong Công an nhân dân bãi bỏ	25/12/2019
V	**Thông tư**					
1	Thông tư	70/2011/TT-BCA	10/10/2011	Thông tư quy định chi tiết thi hành các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự liên quan đến việc bảo đảm quyền bào chữa trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự	Thông tư số 46/2019/TT-BCA ngày 10/10/2019 quy định trách nhiệm của lực lượng Công an nhân dân trong việc thực hiện các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 liên quan đến bảo đảm quyền bào chữa của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp	02/12/2019

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
					phạm tội quả tang hoặc theo quyết định truy nã, người bị tạm giữ, bị can; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố thay thế	
2	Thông tư	14/2012/TT-BCA	20/3/2012	Thông tư ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an	Thông tư số 08/2019/TT-BCA ngày 26/3/2019 ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an thay thế	10/5/2019
3	Thông tư	34/2014/TT-BCA	15/8/2014	Thông tư quy định về các biểu mẫu để sử dụng khi xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Công an nhân dân	Thông tư số 07/2019/TT-BCA ngày 20/3/2019 quy định về các biểu mẫu sử dụng để xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Công an nhân dân thay thế	06/5/2019
4	Thông tư	40/2014/TT-BCA	23/9/2014	Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong Công an nhân dân	Thông tư số 12/2019/TT-BCA ngày 29/5/2019 quy định công tác thi đua, khen thưởng trong Công an nhân dân thay thế	12/7/2019

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
5	Thông tư	17/2015/TT-BCA	04/5/2015	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2014/TT-BCA ngày 23/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong Công an nhân dân	Thông tư số 12/2019/TT-BCA ngày 29/5/2019 quy định công tác thi đua, khen thưởng trong Công an nhân dân thay thế	12/7/2019
6	Thông tư	05/2017/TT-BCA	09/02/2017	Thông tư hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân nghỉ hưu, chuyển ngành, chuyển sang công nhân công an, thôi phục vụ trong Công an nhân dân	Thông tư số 54/2019/TT-BCA ngày 11/11/2019 quy định chế độ trợ cấp một lần đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân, công nhân công an nghỉ hưu, chuyển ngành, xuất ngũ, thôi việc, hy sinh, từ trần thay thế	25/12/2019
VI	**Quyết định của Bộ trưởng**					
1	Quyết định	263/2003/ QĐ-BCA(X15)	25/4/2003	Quyết định quy định về hoạt động nghệ thuật quần chúng của lực lượng Công an nhân dân	Thông tư số 40/2018/TT-BCA ngày 25/12/2018 quy định về hoạt động sáng tác, biểu diễn, triển lãm nghệ thuật trong Công an nhân dân thay thế	08/02/2019

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
2	Quyết định	961/2006/ QĐ-BCA(A11)	22/8/2006	Quyết định quy định danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong ngành Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin	Thông tư số 23/2019/TT-BCA ngày 05/8/2019 quy định Danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Thông tin và Truyền thông thay thế	20/9/2019

B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2020

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
I	**Luật, Pháp lệnh**					
1	Luật	53/2010/QH12	17/6/2010	Luật Thi hành án hình sự	Luật Thi hành án hình sự năm 2018 (số 41/2019/QH14 ngày 14/6/2019) thay thế	01/01/2020
2	Pháp lệnh	30/2000/PL-UBTVQH10	28/12/2000	Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước	Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2000 (số 29/2018/QH14 ngày 15/11/2018) thay thế	01/7/2020
II	**Nghị định**					
1	Nghị định	21/2001/NĐ-CP	28/5/2001	Nghị định quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam	Nghị định số 05/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành, trong đó có Nghị định số 21/2001/NĐ-CP	03/01/2020

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
2	Nghị định	33/2002/NĐ-CP	28/3/2002	Nghị định quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước	Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước bãi bỏ	01/7/2020
3	Nghị định	136/2007/NĐ-CP	17/8/2007	Nghị định về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam	Nghị định số 151/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành bãi bỏ	30/12/2020
4	Nghị định	80/2011/NĐ-CP	16/9/2011	Nghị định quy định các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù	Nghị định số 49/2020/NĐ-CP ngày 17/4/2020 quy định chi tiết thi hành Luật Thi hành án hình sự về tái hòa nhập cộng đồng bãi bỏ	15/6/2020
5	Nghị định	82/2011/NĐ-CP	16/9/2011	Nghị định quy định về thi hành án tử hình bằng hình thức tiêm thuốc độc	Nghị định số 43/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 quy định về thi hành án tử hình bằng hình thức tiêm thuốc độc thay thế	15/4/2020
6	Nghị định	09/2012/NĐ-CP	17/02/2012	Nghị định quy định về tổ chức quản lý và các chế độ đối với người lưu trú trong thời gian chờ xuất cảnh theo quy định của Luật Thi hành án hình sự	Nghị định số 65/2020/NĐ-CP ngày 10/6/2020 quy định về tổ chức quản lý và các chế độ đối với người lưu trú tại cơ sở lưu trú trong thời gian chờ xuất cảnh thay thế	15/6/2020

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
7	Nghị định	20/2012/NĐ-CP	20/3/2012	Nghị định quy định cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự	Nghị định số 59/2020/NĐ-CP ngày 27/5/2020 quy định cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự thay thế	05/6/2020
8	Nghị định	47/2013/NĐ-CP	13/5/2013	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2011/NĐ-CP ngày 16/9/2011 của Chính phủ quy định về thi hành án tử hình bằng hình thức tiêm thuốc độc	Nghị định số 43/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 quy định về thi hành án tử hình bằng hình thức tiêm thuốc độc thay thế	15/4/2020
9	Nghị định	94/2015/NĐ-CP	16/10/2015	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 36/2009/NĐ-CP ngày 15/4/2009 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam	Nghị định số 151/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành, trong đó có Nghị định số 94/2015/NĐ-CP bãi bỏ	30/12/2020
10	Nghị định	07/2017/NĐ-CP	25/01/2017	Nghị định quy định về trình tự, thủ tục thực hiện thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam	Nghị định số 151/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành, trong đó có Nghị định số 07/2017/NĐ-CP bãi bỏ	30/12/2020

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
11	Nghị định	17/2019/NĐ-CP	01/02/2019	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 17/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thực hiện thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam	Nghị định số 151/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành, trong đó có Nghị định số 17/2019/NĐ-CP bãi bỏ	30/12/2020
III	**Thông tư liên tịch**					
1	Thông tư liên tịch	04/2013/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC	30/5/2013	Thông tư liên tịch hướng dẫn trích xuất phạm nhân để phục vụ điều tra, truy tố, xét xử	Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC ngày 17/6/2020 quy định về phối hợp thực hiện trích xuất phạm nhân, học sinh đang chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng để phục vụ điều tra, truy tố, xét xử thay thế	01/8/2020
2	Thông tư liên tịch	05/2013/TTLT-BCA-BQP-BYT-TANDTC-VKSNDTC	06/6/2013	Thông tư liên tịch hướng dẫn tổ chức thi hành án tử hình bằng hình thức tiêm thuốc độc	Thông tư liên tịch số 02/2020/TTLT-BCA-BQP-BYT-BNG-TANDTC-VKSNDTC ngày 14/10/2020 quy định về việc phối hợp tổ chức thi hành án tử hình bằng hình thức tiêm thuốc độc thay thế	01/12/2020

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
IV	**Thông tư**					
1	Thông tư	13/2008/TT-BCA	29/8/2008	Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 59/2008/ NĐ-CP ngày 08/5/2008 của Chính phủ về Giấy chứng minh Công an nhân dân	Thông tư số 23/2020/TT-BCA ngày 10/3/2020 quy định về Giấy chứng minh Công an nhân dân, Giấy chứng nhận trong Công an nhân dân thay thế	25/4/2020
2	Thông tư	30/2009/TT-BCA	20/5/2009	Thông tư quy định tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân	Thông tư số 55/2019/TT-BCA ngày 11/11/2019 quy định về tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân thay thế	01/01/2020
3	Thông tư	44/2009/TT-BCA	03/7/2009	Thông tư quy định về thực hiện dân chủ trong công tác quản lý xuất nhập cảnh của Công an nhân dân	Thông tư số 19/2020/TT-BCA ngày 21/02/2020 quy định về thực hiện dân chủ trong công tác quản lý xuất nhập cảnh của Công an nhân dân thay thế	30/6/2020
4	Thông tư	53/2009/TT-BCA	30/9/2009	Thông tư quy định về thực hiện dân chủ trong công tác của Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy	Thông tư số 18/2020/TT-BCA ngày 20/02/2020 quy định về thực hiện dân chủ trong công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân thay thế	06/4/2020

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
5	Thông tư	54/2009/TT-BCA	02/10/2009	Thông tư quy định về thực hiện dân chủ trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông	Thông tư số 67/2019/TT-BCA ngày 28/11/2019 quy định về thực hiện dân chủ trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông thay thế	15/01/2020
6	Thông tư	55/2009/TT-BCA	02/10/2009	Thông tư quy định về thực hiện dân chủ trong công tác của Cảnh sát môi trường	Thông tư số 83/2019/TT-BCA ngày 31/12/2019 quy định về thực hiện dân chủ trong công tác của Cảnh sát môi trường thay thế	18/02/2020
7	Thông tư	64/2009/TT-BCA	19/11/2009	Thông tư quy định về thực hiện dân chủ trong các cơ sở y tế Công an nhân dân	Thông tư số 92/2020/TT-BCA ngày 20/8/2020 quy định về thực hiện dân chủ trong các cơ sở y tế trong Công an nhân dân thay thế	04/10/2020
8	Thông tư	59/2010/ TT-BCA-A81	14/12/2010	Thông tư quy định công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong lực lượng Công an nhân dân	Thông tư số 38/2020/TT-BCA ngày 17/4/2020 quy định về công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong Công an nhân dân thay thế	01/7/2020
9	Thông tư	21/2011/TT-BCA	25/4/2011	Thông tư quy định về trình tự, thủ tục thực hiện các quyết định chưa cho nhập cảnh, chưa được xuất cảnh, tạm hoãn xuất cảnh	Thông tư số 79/2020/TT-BCA ngày 14/7/2020 hướng dẫn thực hiện tạm hoãn xuất cảnh, chưa cho nhập cảnh thay thế	01/9/2020

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
10	Thông tư	35/2011/TT-BCA	25/5/2011	Thông tư sửa đổi Điều 5 Thông tư số 30/2009/TT-BCA ngày 20 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân	Thông tư số 55/2019/TT-BCA ngày 11/11/2019 quy định về tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân thay thế	01/01/2020
11	Thông tư	36/2011/TT-BCA	26/5/2011	Thông tư ban hành Nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân	Thông tư số 17/2020/TT-BCA ngày 18/02/2020 ban hành Nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân	03/4/2020
12	Thông tư	48/2011/TT-BCA	06/7/2011	Thông tư quy định về thực hiện dân chủ trong công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội	Thông tư số 15/2020/TT-BCA ngày 12/02/2020 quy định về thực hiện dân chủ trong công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội thay thế	30/3/2020
13	Thông tư	58/2011/TT-BCA	09/8/2011	Thông tư quy định về danh mục đồ vật cấm đưa vào trại giam và việc thu giữ, xử lý đồ vật cấm	Thông tư số 10/2020/TT-BCA ngày 06/02/2020 quy định về đồ vật cấm đưa vào cơ sở giam giữ phạm nhân và việc thu giữ, xử lý đồ vật cấm thay thế	20/3/2020
14	Thông tư	15/2013/TT-BCA	15/3/2013	Thông tư quy định chế độ tang lễ trong Công an nhân dân	Thông tư số 62/2019/TT-BCA ngày 25/11/2019 quy định về tổ chức lễ tang trong Công an nhân dân thay thế	08/01/2020

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
15	Thông tư	37/2013/TT-BCA	27/8/2013	Thông tư quy định quy trình tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính của Cảnh sát đường thủy	Thông tư số 68/2020/TT-BCA ngày 19/6/2020 quy định về quy trình tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính của Cảnh sát đường thủy thay thế	05/8/2020
16	Thông tư	10/2014/TT-BCA	04/3/2014	Thông tư quy định việc xử lý, giải quyết tố cáo và quản lý công tác giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân	Thông tư số 85/2020/TT-BCA ngày 03/8/2020 quy định việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết tố cáo và quản lý công tác giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân thay thế	19/9/2020
17	Thông tư	15/2014/TT-BCA	04/4/2014	Thông tư quy định về đăng ký xe	Thông tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16/6/2020 quy định quy trình cấp, thu hồi đăng ký, biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thay thế	01/8/2020
18	Thông tư	65/2014/ TT-BCA(V22)	08/12/2014	Thông tư quy định về cấp phép nhập khẩu và đề nghị xét miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu phục vụ an ninh, trật tự	Thông tư số 40/2020/TT-BCA ngày 04/5/2020 quy định về nhập khẩu, xác nhận và đề nghị miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu phục vụ an ninh bãi bỏ	18/6/2020
19	Thông tư	05/2015/TT-BCA	07/01/2015	Thông tư quy định về công tác giáo dục quốc phòng và an ninh trong Công an nhân dân	Thông tư số 43/2020/TT-BCA ngày 11/5/2020 quy định về công tác giáo dục quốc phòng và an ninh của Công an nhân dân thay thế	01/7/2020

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
20	Thông tư	33/2015/TT-BCA	20/7/2015	Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28/3/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước	Thông tư số 24/2020/TT-BCA ngày 10/3/2020 ban hành biểu mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước bãi bỏ	01/7/2020
21	Thông tư	39/2015/TT-BCA	21/8/2015	Thông tư quy định về phân công trách nhiệm và quan hệ phối hợp trong công tác điều tra, giải quyết các vụ cháy, nổ của lực lượng Công an nhân dân	Thông tư số 55/2020/TT-BCA ngày 03/6/2020 quy định về phân công trách nhiệm và quan hệ phối hợp trong công tác điều tra, giải quyết các vụ cháy, nổ của lực lượng Công an nhân dân thay thế	20/7/2020
22	Thông tư	01/2016/TT-BCA	04/01/2016	Thông tư quy định nhiệm vụ, quyền hạn, hình thức, nội dung tuần tra, kiểm soát giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông	Thông tư số 65/2020/TT-BCA ngày 19/6/2020 quy định nhiệm vụ, quyền hạn, hình thức, nội dung quy trình tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính về giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông thay thế	05/8/2020
23	Thông tư	05/2016/TT-BCA	20/01/2016	Thông tư quy định về thực hiện dân chủ ở trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc,	Thông tư số 73/2019/TT-BCA ngày 12/12/2019 quy định về thực hiện dân chủ trong cơ sở giam giữ	26/01/2020

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
				trường giáo dưỡng thuộc Bộ Công an	phạm nhân, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng thuộc Bộ Công an thay thế	
24	Thông tư	38/2016/TT-BCA	28/9/2016	Thông tư quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Nghị định số 129/2015/NĐ-CP ngày 15/12/2015 của Chính phủ quy định về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân	Thông tư số 94/2020/TT-BCA ngày 01/9/2020 quy định về tuyển chọn và thực hiện chế độ, chính sách đối với công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân thay thế	20/10/2020
25	Thông tư	64/2017/TT-BCA	28/12/2017	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về đăng ký xe	Thông tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16/6/2020 quy định quy trình cấp, thu hồi đăng ký, biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thay thế	01/8/2020
26	Thông tư	07/2018/TT-BCA	12/02/2018	Thông tư quy định việc phạm nhân gặp thân nhân; nhận, gửi thư; nhận tiền, đồ vật và liên lạc điện thoại với thân nhân	Thông tư số 14/2020/TT-BCA ngày 10/02/2020 quy định chi tiết chế độ gặp, nhận quà và liên lạc của phạm nhân thay thế	26/3/2020

C. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
I	**Luật**					
1	Luật	81/2006/QH11	29/11/2006	Luật Cư trú	Luật Cư trú năm 2020 (số 68/2020/QH14 ngày 13/11/2020) bãi bỏ	01/7/2021
2	Luật	36/2013/QH13	20/6/2013	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú	Luật Cư trú năm 2020 (số 68/2020/QH14 ngày 13/11/2020) bãi bỏ	01/7/2021
II	**Nghị định**					
1	Nghị định	52/2001/NĐ-CP	23/8/2001	Nghị định hướng dẫn thi hành biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng	Nghị định số 110/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ bãi bỏ	15/12/2021
2	Nghị định	53/2001/NĐ-CP	23/8/2001	Nghị định hướng dẫn thi hành hình phạt cấm cư trú, quản chế	Nghị định số 110/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ bãi bỏ	15/12/2021
3	Nghị định	54/2001/NĐ-CP	23/8/2001	Nghị định hướng dẫn thi hành hình phạt trục xuất	Nghị định số 110/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ bãi bỏ	15/12/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
4	Nghị định	10/2012/NĐ-CP	17/02/2012	Nghị định quy định chi tiết thi hành biện pháp tư pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người chưa thành niên phạm tội	Nghị định số 110/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ bãi bỏ	15/12/2021
5	Nghị định	31/2014/NĐ-CP	18/4/2014	Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Cư trú	Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29/6/2021 quy định chi tiết một số điều của Luật Cư trú thay thế	01/7/2021
6	Nghị định	36/2009/NĐ-CP	15/4/2009	Nghị định về quản lý, sử dụng pháo	Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 về quản lý, sử dụng pháo thay thế	11/01/2021
7	Nghị định	79/2014/NĐ-CP	31/7/2014	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy	Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy thay thế	10/01/2021
III	**Quyết định của Thủ tướng**					
1	Quyết định	15/2003/ QĐ-TTg	20/01/2003	Quyết định về danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật trong ngành Ngân hàng	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác	10/4/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
					định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	
2	Quyết định	220/2003/ QĐ-TTg	28/10/2003	Quyết định về danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật của Ban Cán sự Đảng ngoài nước	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	10/4/2021
3	Quyết định	244/2003/ QĐ-TTg	17/11/2003	Quyết định về danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật của Ban Đối ngoại Trung ương	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	10/4/2021
4	Quyết định	01/2004/ QĐ-TTg	05/01/2004	Quyết định về danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật của ngành Tòa án nhân dân	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	10/4/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
5	Quyết định	45/2004/ QĐ-TTg	07/01/2004	Quyết định về danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật của Ban Tổ chức Trung ương	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	10/4/2021
6	Quyết định	18/2004/ QĐ-TTg	12/02/2004	Quyết định về danh mục bí mật nhà nước độ Tối Mật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	10/4/2021
7	Quyết định	21/2004/ QĐ-TTg	25/02/2004	Quyết định về danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật của Thông tấn xã Việt Nam	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	10/4/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
8	Quyết định	123/2004/ QĐ-TTg	07/7/2004	Quyết định về danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật của Chính phủ, Văn phòng Chính phủ	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	10/4/2021
9	Quyết định	156/2004/ QĐ-TTg	25/8/2004	Quyết định về danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	10/4/2021
10	Quyết định	160/2004/ QĐ-TTg	06/9/2004	Quyết định về việc xác định khu vực cấm, địa điểm cấm	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	10/4/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
11	Quyết định	181/2004/ QĐ-TTg	15/10/2004	Quyết định về danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và cơ quan, tổ chức liên quan thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	10/4/2021
12	Quyết định	27/2005/ QĐ-TTg	31/01/2005	Quyết định về danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật của ngành Xây dựng	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	10/4/2021
13	Quyết định	306/2005/ QĐ-TTg	24/11/2005	Quyết định về danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật của Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	10/4/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
14	Quyết định	21/2006/ QĐ-TTg	23/01/2006	Quyết định về danh mục bí mật nhà nước độ tối mật của Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	10/4/2021
15	Quyết định	71/2006/ QĐ-TTg	03/4/2006	Quyết định về danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật của Kiểm toán nhà nước	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	10/4/2021
16	Quyết định	91/2006/ QĐ-TTg	24/4/2006	Quyết định về danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật của Ủy ban Dân tộc	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	10/4/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
17	Quyết định	143/2006/ QĐ-TTg	19/6/2006	Quyết định về danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật của Viện Khoa học xã hội Việt Nam	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	10/4/2021
18	Quyết định	244/2006/ QĐ-TTg	27/10/2006	Quyết định về danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật của Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	10/4/2021
19	Quyết định	268/2006/ QĐ-TTg	24/11/2006	Quyết định về danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật của Ban Nghiên cứu của Bộ Chính trị về an ninh quốc gia	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	10/4/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
20	Quyết định	67/2007/ QĐ-TTg	15/5/2007	Quyết định về danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật trong ngành Kế hoạch và Đầu tư	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	10/4/2021
21	Quyết định	106/2008/ QĐ-TTg	21/7/2008	Quyết định về danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật trong ngành Công thương	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	10/4/2021
22	Quyết định	130/2008/ QĐ-TTg	25/9/2008	Quyết định về danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật của Ban Dân vận Trung ương	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	10/4/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
23	Quyết định	73/2009/ QĐ-TTg	04/5/2009	Quyết định về danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật của Ban Tuyên giáo Trung ương	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	10/4/2021
24	Quyết định	128/2009/ QĐ-TTg	27/10/2009	Quyết định về danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	10/4/2021
25	Quyết định	21/2013/ QĐ-TTg	24/4/2013	Quyết định về danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	10/4/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
26	Quyết định	59/2013/ QĐ-TTg	15/10/2013	Quyết định về danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật của ngành Tài chính	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	10/4/2021
27	Quyết định	81/2013/ QĐ-TTg	30/12/2013	Quyết định về danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng và Ban Nội chính Trung ương	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	10/4/2021
28	Quyết định	17/2014/ QĐ-TTg	25/02/2014	Quyết định về danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật của ngành Ngoại giao	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	10/4/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
29	Quyết định	49/2014/ QĐ-TTg	04/9/2014	Quyết định về danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật của Ban Kinh tế Trung ương	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	10/4/2021
30	Quyết định	52/2014/ QĐ-TTg	16/9/2014	Quyết định về danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	10/4/2021
31	Quyết định	56/2015/ QĐ-TTg	10/11/2015	Quyết định về danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật của ngành Y tế	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	10/4/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
32	Quyết định	59/2016/ QĐ-TTg	31/12/2016	Quyết định về danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật trong ngành Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	10/4/2021
33	Quyết định	07/2018/ QĐ-TTg	23/02/2018	Quyết định về danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	10/4/2021
34	Quyết định	21/2019/ QĐ-TTg	19/6/2019	Quyết định về danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật của ngành Thông tin và Truyền thông	Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật bãi bỏ	10/4/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
IV	**Thông tư liên tịch**					
1	Thông tư liên tịch	04/2001/TTLT-BCA-TCĐC	19/6/2001	Thông tư liên tịch của Bộ trưởng Bộ Công an, Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 566/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch đất an ninh do Bộ Công an quản lý trên địa bàn 61 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Thông tư số 110/2021/TT-BCA ngày 15/11/2021 bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành, liên tịch ban hành bãi bỏ	15/11/2021
2	Thông tư liên tịch	04/2002/TTLT-BCA-BNG	29/01/2002	Thông tư liên tịch của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn thực hiện Nghị định số 21/2001/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.	Thông tư số 110/2021/TT-BCA ngày 15/11/2021 bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành, liên tịch ban hành bãi bỏ	15/11/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
3	Thông tư liên tịch	16/2004/TTLT-BCA-BQP	01/11/2004	Thông tư liên tịch của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Giao thông đường bộ về tổ chức đăng ký, cấp biển số cho xe ô tô làm nhiệm vụ kinh tế của các doanh nghiệp quốc phòng, xe quân đội có nhu cầu cấp biển số xe dân sự và việc kiểm tra, xử lý xe quân đội vi phạm hành chính về giao thông đường bộ	Thông tư số 110/2021/TT-BCA ngày 15/11/2021 bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành, liên tịch ban hành bãi bỏ	15/11/2021
4	Thông tư liên tịch	01/2007/TTLT-BCA-BNG	30/01/2007	Thông tư liên tịch của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư liên tịch số 04/2002/TTLT-BCA-BNG ngày 29 tháng 01 năm 2002 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 21/2001/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành	Thông tư số 110/2021/TT-BCA ngày 15/11/2021 bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành, liên tịch ban hành bãi bỏ	15/11/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
				Pháp lệnh nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam		
5	Thông tư liên tịch	31/2007/TTLT-BCA-BGTVT	28/12/2007	Thông tư liên tịch của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về việc xóa sổ đăng ký, thu hồi biển số của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hết niên hạn sử dụng	Thông tư số 110/2021/TT-BCA ngày 15/11/2021 bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành, liên tịch ban hành bãi bỏ	15/11/2021
6	Thông tư liên tịch	32/2007/TTLT-BCA-BGTVT	28/12/2007	Thông tư liên tịch của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về việc đăng ký, quản lý và lưu hành phương tiện giao thông cơ giới đường bộ dùng cho thương binh và người tàn tật	Thông tư số 110/2021/TT-BCA ngày 15/11/2021 bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành, liên tịch ban hành bãi bỏ	15/11/2021
7	Thông tư liên tịch	02/2008/TTLT-BCA-BQP-BYT-BGTVT-BKH&CN	31/3/2008	Thông tư liên tịch của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy	Thông tư số 110/2021/TT-BCA ngày 15/11/2021 bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành, liên tịch ban hành bãi bỏ	15/11/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
				định về tiêu chuẩn và lắp đặt, sử dụng tín hiệu còi, đèn của xe ưu tiên		
8	Thông tư liên tịch	02/2009/TTLT-BCA-BTNMT	06/02/2009	Thông tư liên tịch của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn quan hệ phối hợp công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường	Thông tư số 110/2021/TT-BCA ngày 15/11/2021 bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành, liên tịch ban hành bãi bỏ	15/11/2021
9	Thông tư liên tịch	08/2009/TTLT-BCA-BNG	06/10/2009	Thông tư liên tịch của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc cấp giấy hộ chiếu phổ thông và giấy thông hành cho công dân Việt Nam ở nước ngoài	Thông tư số 110/2021/TT-BCA ngày 15/11/2021 bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành, liên tịch ban hành	15/11/2021
10	Thông tư liên tịch	06/2010/TTLT-BCA-BKHCN	30/12/2010	Thông tư liên tịch quy định về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn trong lĩnh vực an ninh thuộc Bộ Công an	Thông tư số 42/2021/TT-BCA ngày 19/4/2021 quy định hoạt động xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở trong Công an nhân dân bãi bỏ	05/6/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
11	Thông tư liên tịch	01/2011/TTLT-BCA-BKHCN	18/02/2011	Thông tư liên tịch của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phối hợp thực hiện Quyết định số 20/2009/QĐ-TTg ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc trang bị, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật trong công tác phòng ngừa, phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của lực lượng Cảnh sát nhân dân	Thông tư số 110/2021/TT-BCA ngày 15/11/2021 bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành, liên tịch ban hành bãi bỏ	15/11/2021
12	Thông tư liên tịch	01/2012/TTLT-BCA-BNG	03/01/2012	Thông tư liên tịch của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 04/2002/TTLT-BCA-BNG ngày 29 tháng 01 năm 2002 và Thông tư liên tịch số 05/2009/TTLT-BCA-BNG ngày 12 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trong lĩnh vực xuất nhập cảnh	Thông tư số 110/2021/TT-BCA ngày 15/11/2021 bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành, liên tịch ban hành bãi bỏ	15/11/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
13	Thông tư liên tịch	08/2013/TTLT-BCA-BNG	20/8/2013	Thông tư liên tịch của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 08/2009/TTLT-BCA-BNG ngày 06 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc cấp giấy hộ chiếu phổ thông và giấy thông hành cho công dân Việt Nam ở nước ngoài	Thông tư số 110/2021/TT-BCA ngày 15/11/2021 bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành, liên tịch ban hành bãi bỏ	15/11/2021
V	**Thông tư**					
1	Thông tư	73/2009/TT-BCA	24/12/2009	Thông tư quy định danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021
2	Thông tư	01/2010/TT-BCA	12/01/2010	Thông tư hướng dẫn thi hành một số điều của Quyết định số 20/2009/QĐ-TTg ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc trang bị, sử dụng phương	Thông tư số 110/2021/TT-BCA ngày 15/11/2021 bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành, liên tịch ban hành bãi bỏ	15/11/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
				tiện, thiết bị kỹ thuật trong công tác phòng ngừa, phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của lực lượng Cảnh sát nhân dân		
3	Thông tư	35/2010/TT-BCA	11/10/2010	Thông tư quy định về cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp và hàng nguy hiểm	Thông tư số 110/2021/TT-BCA ngày 15/11/2021 bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành, liên tịch ban hành bãi bỏ	15/11/2021
4	Thông tư	48/2010/TT-BCA	16/11/2010	Thông tư quy định về thẩm định công nghệ các dự án đầu tư trong Công an nhân dân	Thông tư số 110/2021/TT-BCA ngày 15/11/2021 bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành, liên tịch ban hành bãi bỏ	15/11/2021
5	Thông tư	50/2010/TT-BCA	16/11/2010	Thông tư quy định về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa mua sắm, nhập khẩu trong Công an nhân dân	Thông tư số 110/2021/TT-BCA ngày 15/11/2021 bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành, liên tịch ban hành bãi bỏ	15/11/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
6	Thông tư	03/2011/TT-BCA	24/01/2011	Thông tư quy định về phân công, phân cấp và quan hệ phối hợp trong công tác hậu cần, kỹ thuật trong Công an nhân dân	Thông tư số 110/2021/TT-BCA ngày 15/11/2021 bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành, liên tịch ban hành bãi bỏ	15/11/2021
7	Thông tư	42/2011/TT-BCA	29/6/2011	Thông tư hướng dẫn cấp giấy thông hành biên giới Việt Nam - Căm pu chia cho cán bộ, viên chức, công dân Việt Nam sang Căm pu chia	Thông tư số 110/2021/TT-BCA ngày 15/11/2021 bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành, liên tịch ban hành bãi bỏ	15/11/2021
8	Thông tư	64/2012/TT-BCA	30/10/2012	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021
9	Thông tư	73/2012/TT-BCA	05/12/2012	Thông tư quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường thủy nội địa của Cảnh sát giao thông đường thủy	Thông tư số 64/2020/TT-BCA ngày 19/6/2020 quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường thủy nội địa của lực lượng Cảnh sát giao thông thay thế	01/01/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
10	Thông tư	77/2012/TT-BCA	28/12/2012	Thông tư quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông đường bộ	Thông tư số 63/2020/TT-BCA ngày 19/6/2020 quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ của lực lượng Cảnh sát giao thông thay thế	01/01/2021
11	Thông tư	29/2013/TT-BCA	10/5/2013	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021
12	Thông tư	56/2013/ TT-BCA-A81	13/11/2013	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Tài chính	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021
13	Thông tư	67/2013/TT-BCA	11/12/2013	Thông tư quy định việc cấp giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới cho công dân Việt Nam qua lại biên giới Việt Nam - Trung Quốc	Thông tư số 110/2021/TT-BCA ngày 15/11/2021 bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành, liên tịch ban hành bãi bỏ	15/11/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
14	Thông tư	04/2014/TT-BCA	21/01/2014	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2010/TT-BCA ngày 11 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp và hàng nguy hiểm	Thông tư số 110/2021/TT-BCA ngày 15/11/2021 bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành, liên tịch ban hành bãi bỏ	15/11/2021
15	Thông tư	08/2014/ TT-BCA-A81	21/02/2014	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng và Ban Nội chính Trung ương	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021
16	Thông tư	12/2014/ TT-BCA-A81	19/3/2014	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Ngoại giao	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021
17	Thông tư	20/2014/TT-BCA	20/5/2014	Thông tư quy định về quy trình cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy	Thông tư số 140/2020/TT-BCA ngày 23/12/2020 quy định về triển khai các hoạt động chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân thay thế	08/02/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
18	Thông tư	32/2014/ TT-BCA-A81	25/7/2014	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Hội Nông dân Việt Nam	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021
19	Thông tư	52/2014/TT-BCA	28/10/2014	Thông tư quy định về quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy và chữa cháy	Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 quy định về quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thay thế	22/3/2021
20	Thông tư	56/2014/TT-BCA	12/11/2014	Thông tư quy định về trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành	Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành thay thế	20/02/2021
21	Thông tư	59/2014/ TT-BCA-A81	18/11/2014	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Lao động, Thương binh và Xã hội	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
22	Thông tư	63/2014/ TT-BCA-A81	26/11/2014	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Ban Kinh tế Trung ương	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021
23	Thông tư	66/2014/TT-BCA	16/12/2014	Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy	Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy thay thế	20/02/2021
24	Thông tư	08/2015/TT-BCA	27/01/2015	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong ngành Thanh tra	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
25	Thông tư	12/2015/TT-BCA	02/3/2015	Thông tư quy định quy trình giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân	Thông tư số 129/2020/TT-BCA ngày 08/12/2020 quy định quy trình giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân thay thế	22/01/2021
26	Thông tư	30/2015/TT-BCA	03/7/2015	Thông tư quy định tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong Công an nhân dân	Thông tư số 98/2021/TT-BCA ngày 20/10/2021 quy định về công tác tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong Công an nhân dân thay thế	03/12/2021
27	Thông tư	47/2015/TT-BCA	06/10/2015	Thông tư hướng dẫn về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở kinh doanh vũ trường, karaoke	Thông tư số 147/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 quy định biện pháp bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường thay thế	20/02/2021
28	Thông tư	61/2015/TT-BCA	16/11/2015	Thông tư quy định về mẫu thẻ Căn cước công dân	Thông tư số 06/2021/TT-BCA ngày 23/01/2021 quy định về mẫu thẻ Căn cước công dân thay thế	23/01/2021
29	Thông tư	67/2015/TT-BCA	15/12/2015	Thông tư quy định danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Y tế	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
30	Thông tư	29/2016/TT-BCA	06/7/2016	Thông tư hướng dẫn việc cấp, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu phổ thông ở trong nước cho công dân Việt Nam	Thông tư số 110/2021/TT-BCA ngày 15/11/2021 bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành, liên tịch ban hành bãi bỏ	15/11/2021
31	Thông tư	39/2016/TT-BCA	04/10/2016	Thông tư quy định về tiếp nhận, xử lý thông tin báo cháy và triển khai các hoạt động chữa cháy của lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy	Thông tư số 140/2020/TT-BCA ngày 23/12/2020 quy định về triển khai các hoạt động chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân thay thế	08/02/2021
32	Thông tư	11/2017/TT-BCA	23/3/2017	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong ngành Giáo dục và Đào tạo	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021
33	Thông tư	12/2017/TT-BCA	23/3/2017	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Ủy ban kiểm tra Trung ương và Cơ quan Ủy ban kiểm tra Trung ương	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
34	Thông tư	46/2017/TT-BCA	20/10/2017	Thông tư quy định về kiểm tra, tập huấn nghiệp vụ kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy của lực lượng Công an nhân dân	Thông tư số 141/2020/TT-BCA ngày 23/12/2020 quy định công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân thay thế	08/02/2021
35	Thông tư	50/2017/TT-BCA	01/11/2017	Thông tư quy định về thường trực sẵn sàng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy	Thông tư số 139/2020/TT-BCA ngày 23/12/2020 quy định về công tác thường trực sẵn sàng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân thay thế	08/02/2021
36	Thông tư	61/2017/TT-BCA	14/12/2017	Thông tư quy định biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự	Thông tư số 119/2021/TT-BCA ngày 08/12/2021 quy định biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự thay thế	31/12/2021
37	Thông tư	09/2018/TT-BCA	16/3/2018	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an về quy định danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021
38	Thông tư	33/2018/TT-BCA	10/10/2018	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2015/TT-BCA ngày	Thông tư số 06/2021/TT-BCA ngày 23/01/2021 quy định về mẫu thẻ Căn cước công dân thay thế	23/01/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
				16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về mẫu thẻ Căn cước công dân		
39	Thông tư	36/2018/TT-BCA	05/12/2018	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy	Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy thay thế	20/02/2021
40	Thông tư	23/2019/TT-BCA	05/8/2019	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Thông tin và Truyền thông	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
41	Thông tư	38/2020/TT-BCA	17/4/2020	Thông tư quy định về công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong Công an nhân dân	Thông tư số 104/2021/TT-BCA ngày 08/11/2021 quy định về công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong Công an nhân dân thay thế	23/12/2021
VI	**Quyết định của Bộ trưởng**					
1	Quyết định	511/1999/ QĐ-BCA (V26)	03/9/1999	Quyết định về việc ban hành Quy chế về phòng, chống HIV/AIDS trong trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng	Thông tư số 110/2021/TT-BCA ngày 15/11/2021 bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành, liên tịch ban hành bãi bỏ	15/11/2021
2	Quyết định	151/2003/ QĐ-BCA (A11)	11/3/2003	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong ngành Ngân hàng	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021
3	Quyết định	637/2003/ QĐ-BCA (A11)	12/9/2003	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
4	Quyết định	30/2004/ QĐ-BCA (A11)	08/01/2004	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Tòa án nhân dân	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021
5	Quyết định	52/2004/ QĐ-BCA (A11)	15/01/2004	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021
6	Quyết định	168/2004/ QĐ-BCA	24/02/2004	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021
7	Quyết định	191/2004/ QĐ-BCA	05/3/2004	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Báo Nhân dân	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021
8	Quyết định	322/2004/ QĐ-BCA (A11)	07/4/2004	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Tạp chí Cộng sản	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
9	Quyết định	409/2004/ QĐ-BCA (A11)	05/5/2004	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật thuộc lĩnh vực Khoa học và Công nghệ	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021
10	Quyết định	485/2004/ QĐ-BCA (A11)	28/5/2004	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Đài Truyền hình Việt Nam	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021
11	Quyết định	486/2004/ QĐ-BCA (A11)	28/5/2004	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các Ban của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Văn phòng Quốc hội	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021
12	Quyết định	749/2004/ QĐ-BCA (A11)	06/8/2004	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
13	Quyết định	1261/2004/ QĐ-BCA (A11)	08/11/2004	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Hội Cựu chiến binh Việt Nam	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021
14	Quyết định	1279/2004/ QĐ-BCA (A11)	10/11/2004	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và cơ quan, tổ chức liên quan thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021
15	Quyết định	1307/2004/ QĐ-BCA (A11)	12/11/2004	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Đài Tiếng nói Việt Nam	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021
16	Quyết định	1485/2004/ QĐ-BCA (A11)	20/12/2004	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong ngành Giao thông vận tải	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
17	Quyết định	109/2005/ QĐ-BCA (A11)	01/02/2005	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021
18	Quyết định	144/2006/ QĐ-BCA (A11)	24/02/2006	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021
19	Quyết định	214/2006/ QĐ-BCA (A11)	24/3/2006	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021
20	Quyết định	660/2006/ QĐ-BCA (A11)	01/6/2006	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021
21	Quyết định	650/QĐ-BCA (A11)	13/6/2007	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong ngành Kế hoạch và Đầu tư	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
22	Quyết định	1534/2008/QĐ-BCA (A11)	18/9/2008	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Công thương	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021
23	Quyết định	1857/2008/QĐ-BCA (A11)	05/11/2008	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Chính phủ, Văn phòng Chính phủ	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021
24	Quyết định	1858/2008/QĐ-BCA (A11)	05/11/2008	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Thông tấn xã Việt Nam	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021
25	Quyết định	2039/2008/QĐ-BCA (A11)	03/12/2018	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Xây dựng	Thông tư số 21/2021/TT-BCA ngày 19/02/2021 bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước bãi bỏ	10/4/2021

(Xem tiếp Công báo số 349 + 350)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng